TRI TÂN

Có đỏ mà chẳng có thơm
Như hoa râm bụt, nên cơm cháo gì!

Phong-Dao

SO 4 – 24 JUIN 1941

TRONG SỐ NÀY :

Vài cái chủ-trương về quốc-văn
T. T.
Nguồn gốc truyện Kiều
Dương quảng Hàm
Người mình sang ở Tàu
Trần hàm Tấn
Phan-thanh-Giản
Lê thọ Xuân
Hà-nội dưới mắt nhà học - giả
Trương-vĩnh-Ký
Tiền-Đàm
Nước Á với cuộc Âu-chiến
Nhật Nham
Từ vụ đắm tàu « Robin Moore » đến việc đặt đại bác trên tàu buôn
Nguyễn Huyền Tĩnh
Phê-bình « Sau cơn giông tố »
Nhân-Nghĩa
Chuyện thơ trào - phúng
Tiểu thuyết « Bà Quận - Mỹ »
và nhiều bài xuất-sắc khác.

Mỗi số 12 xu

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA NGÀY THỨ BA HÀNG TUẦN

VÀI CÁI CHỦ-TRƯƠNG VỀ QUỐC - VĂN

LÀ một cơ-quan văn-hóa, Tri-Tân, lẽ tất nhiên, phải chú-trọng đến những vấn-đề thuộc phạm-vi văn-hóa, nhất là văn-hóa việt-nam.

Ngôn-ngữ văn-tự : một vấn đề quan-trọng của một dân-tộc ! Làm cho nó ngày một có quy củ, ngày một thêm phong phú, phận-sự ấy đương trút trên vai chúng ta nay !

Trước cái cao-minh của các bạn đọc rất thân yêu của Tri-Tân, Tri-Tân xin đánh bạo tỏ bày mấy cái chủ-trương đối với quốc-văn để mong các bạn làm ơn chỉ giúp.

1) Về lối hành-văn. — Trừ những trường-hợp đặc-biệt, Tri-Tân gặp những bài cần đăng nguyên-văn để tỏ ý tôn-trọng cái cá-tính của tác-giả không kể, còn về phần chúng tôi, chúng tôi cố gây riêng lấy một lối văn viết báo để tỏ cái đặc-tính của Tri-Tân : Hùng, đanh, rắn, đông-đặc, nục-nạc, nhiều ý, ít lời, nhưng bao giờ cũng cốt giữ cho văn được đúng mẹo, sáng sủa, rõ-ràng, tự nhiên và bình dị...

Chúng tôi lại hết sức tránh những chữ sáo, lời sáo, ý sáo :

« Sáo cổ » tả người đẹp : nhạn sa, cá lặn, liễu thẹn, hoa hờn...

« Sáo kim » tả mỹ-nhân : mặt trái soan, mũi dọc dừa, mắt bồ câu chẳng hạn...

Mỗi khi qua hồ Hoàn Kiếm, « thi-sĩ » lại bùi-ngùi nhắc đến... « gươm thần » : « Sáo thơ thần » !

Đối với những « sáo » ấy, Tri-Tân quyết phải mạnh bạo tẩy trừ.

2) Về việc dùng chữ nho — Vì muốn giữ cho có tính cách bình dị, Tri-Tân cố tránh chữ nho trong những trường hợp nên tránh hoặc có thể tránh được. Như ; « *lời phát đoan* », đổi là « *lời mở đầu* » ; « *thói quen* » thay cho « *tập quan* ».

Một bài học kinh-nghiệm đã đem đến cho chúng tôi : trình-độ hán-học bây giờ thật kem sút đến tột bực!

Nói ngay hai chữ « Tri-Tân », tên báo đây, chỉ có nghĩa rất dễ hiểu là : « Biết mới » ! Vậy mà nhiều người cứ lầm : « *Trí* » *Tân* hoài ! Nếu *trí* là *trí-khôn* thì phải *tri mới* : mới xuôi ! Nếu *chí* là *rất* thì phải viết « *ch* » kia chứ ?

Vì thế, trong khi viết văn, Tri-Tân phải luôn nhớ đến những người không biết chữ hán.

Dẫu vậy, Tri-Tân lại còn có bổn-phận phải « nhập cảng » chữ nho để làm giầu thêm cho kho ngôn ngữ văn tự nước nhà và, luôn dịp, giúp cho những ai muốn biết chữ nho được thêm rộng chữ, rộng tiếng ra nữa.

Chính vì có ý đó, nên từ số 1, Tri-Tân đã có những mục như « Hán học trích diễm » và « Ít danh-từ mới ».

Có thể tùy tiện dùng thêm chữ nho, ta sẽ được nhiều lợi ích :

a) Làm cho gọn lời, tránh được cái nạn rườm tiếng choán nhiều chỗ (Thí dụ : *Phong nhân* thay cho *người làm ra phong dao*).

b) Khỏi lặp chữ, trùng tiếng trong một câu.

c) Tiện việc đảo lên, lộn xuống, giúp cho câu văn được « kêu » vì khéo lựa âm-hưởng của những tiếng bằng, chắc.

d) Giúp cho trong khi dịch văn ngoại-quốc được đúng hơn, sát nghĩa hơn và gọn-gàng hơn.

Tri-Tân còn muốn sẽ dần-dần sửa lại những tiếng dịch chữ ngoại-quốc chưa được xác-đáng tuy hiện hành nhưng chưa phổ-thông (về vấn-đề này sẽ có bài nói riêng).

3) Về những tiếng trại tên. — Cố nhiên, bây giờ ai cũng cho thói kiêng tên là không còn thích-hợp với thời-đại này nữa. Nhưng, đối với những tiếng quốc-húy lâu ngày đã dùng quen, Tri-Tân không câu nệ, không bó-buộc nhất nhất phải sửa lại (còn trong bộ Tự-điển việt-nam, nhà cầm bút cần phải chua rõ nguyên-âm của những chữ quốc-húy).

Tri Tân có thể lợi-dụng hết cả những tiếng như *nhậm*, *nhiệm*, *thì*, *thời*, *tông*, *tôn*, trong khi viết đến.

Tri-Tân coi những chữ ấy thuộc loại đồng-nghĩa (synonymes), cứ dùng cho rộng để giúp nhà thơ thêm nhiều vần gieo, người viết được giàu thêm tiếng... (*Trời*, *giời*, *lời*, *nhơi* v. v. cũng thuộc lệ này.)

4) Về những tiếng thổ âm. — Còn loại này ? Tri-Tân ôm cái chủ-trương : Làm phổ-thông nó, chứ không phân-biệt Trung, Nam, Bắc chi hết : *Rán* với *gắng*, *hòm* với *rương*, *run en phát rét* với *khiếp sợ run rẩy*... sẽ được Tri Tân giới-thiệu và làm cho «đồng hóa» khắp ba Kỳ.

5) Về cách chấm câu — Không thận trọng về cách chấm câu (ponctuation), lắm khi làm câu văn giảm bẩn giá trị : hoặc tối nghĩa khó hiểu hoặc hiểu sai-lạc, hoặc thành ra yếu-ớt, non nớt, lằng nhằng.. !

Để tránh những cái dở ấy, Tri Tân phải chú trọng đặc-biệt cả từ cách chấm câu trong một bài văn. (Xin độc-giả lượng-thứ cho những phốt vô ý vì in lầm).

6) Về danh-từ mới — Một mặt, Tri-Tân làm việc giới-thiệu những danh-từ mới với đồng-bào ; một mặt, Tri-Tân không quên đính-chính những tiếng gần nay người ta dùng lầm, viết quấy : *Yếu điểm* (điểm cốt-yếu) lầm làm *nhược điểm* (điểm yếu kém) ; *Ly-tao* (tên một bài trong tập Sở-Từ của Khuất-Nguyên, nghĩa là *mắc sự lo buồn*) gán lầm cho *Nàng Thơ*...

Chủ-trương còn nhiều. Mong rằng các bạn thân-yêu hết lòng, hết sức cổ-động giúp Tri-Tân, ủng-hộ cho Tri Tân để Tri-Tân có thể cùng các bạn cứ bắt tay cộng-tác trong công cuộc văn-hóa, một công-cuộc chung của những nhà có quan tâm đến vấn đề sống-còn của dân-tộc !

TRI TÂN

NGUỒN GỐC QUYỂN TRUYỆN KIỀU
của cụ Nguyễn Du

NGUỒN gốc một tác phẩm là các tài-liệu (sách vở, giấy tờ, v. v.) mà tác-giả đã kê-cứu và căn-cứ vào đó để viết thành tác-phẩm của mình. Đối với việc văn-học phê-bình, có tìm được nguồn gốc một tác-phẩm, mới định rõ được rằng trong tác-phẩm ấy, phần nào là phần tác giả mượn của người trước, phần nào là phần tác-giả đã sáng-tạo ra, rồi mới định được cái giá-trị, cái đặc-sắc của tác-phẩm ấy.

Từ trước đến giờ, ai cũng biết rằng Nguyễn Du tiên-sinh đã theo một cuốn tiểu-thuyết Tàu để soạn cuốn truyện *Kim Vân Kiều*. Chính tác giả, ngay đầu quyển truyện (câu 7-8), cũng đã cho ta biết rằng tác-giả đã đọc một cuốn *Phong-tình cổ-lục* trước khi viết Truyện Kiều :

« *Kiều thơm lần giở trước đèn,*
« *Phong-tình cổ-lục còn truyền sử xanh* ».

Nhưng ta phải nhận rằng mấy chữ « Phong-tình cổ-lục » nghĩa là một cuốn « sách cũ chép chuyện phong-tình » chỉ là một danh-từ phổ-thông dùng để chỉ chung hết thảy các truyện phong-tình, chứ không phải là nhan riêng một cuốn sách. Vậy cuốn tiểu-thuyết Tàu, theo đấy cụ Nguyễn Du đã viết cuốn truyện nôm, nhan là gì và do ai làm ra ? Vấn-đề ấy đến nay vẫn chưa giải-quyết và mỗi nhà có một ý-kiến khác. Các nhà khảo-cứu về vấn-đề ấy đều bằng-cứ vào những sách vở đã in hoặc đã chép tay ở bên nước ta. Muốn giải-quyết vấn-đề ấy, phải tìm được cuốn tiểu-thuyết Tàu đã phát-hành ở bên Tàu trước khi cụ Nguyễn Du viết cuốn Truyện Kiều mà các tình-tiết cũng giống tình-tiết cuốn truyện nôm của ta. Gần đây, chúng tôi đã may-mắn được xem một cuốn sách, cuốn ấy, theo điều nhận xét của chúng tôi, là cuốn tiểu-thuyết Tàu mà cụ Nguyễn Du đã theo đấy để viết Truyện Kiều. Vậy trong bài này, chúng tôi sẽ lần-lượt xét các ý-kiến của các nhà khảo-cứu đối với vấn đề « nguồn gốc Truyện Kiều », rồi bằng-cứ vào quyển tiểu-thuyết nói trên mà giải quyết vấn-đề ấy.

I. — Ý kiến các tác-giả

Ý kiến thứ nhất. — Trong bài Tiểu-dẫn bản dịch chữ Pháp truyện *Kim Vân Kiều* xuất-bản năm 1884-1885, ông Abel Des Michels đã viết :

« *Khi tôi sắp trả lại nhà in bản in thử thứ nhất về bài Tiểu-dẫn này, tức là hôm sau ngày tôi đã được cái hân-hạnh đọc trước Viện Khảo-cổ một bản luận-án trong đó tôi có nói hiện chưa tìm thấy cuốn tiểu-thuyết Tàu làm nguồn gốc cho cuốn truyện của Nguyễn Du, thì tôi nhận được cuốn tiểu thuyết ấy, mà tôi vẫn tìm tự lâu nhưng không thấy, do ông giáo-sư Trương-Minh-Ký đã tìm thấy ở Sài-gòn và có lòng tốt gửi ngay cho tôi. Cuốn ấy nhan là* 金雲翹錄 Kim Vân Kiều lục, *cái nhan ấy cũng hầu đồng-nghĩa với cái nhan của cuốn truyện nôm. Chẳng may, như tôi vừa nói, cuốn ấy, do một bản in vừa khắc ở Hà-nội ra, lại không ghi tên tác giả. Ngoài bìa, chỉ thấy ghi rằng bản in ấy, do một nhà nho tên là Phước Bình-Lê duyệt lại và khắc lại, xuất-bản về đời Tự-đức trong tháng mạnh-thu năm Bính-tí, tức là năm 1876* ». (1)

Vậy theo ô. Abel Des Michels, nguồn gốc Truyện Kiều là cuốn *Kim Vân Kiều lục*. Nhưng dưới đây (khi ta xét đến bản khảo-chứng A) ta sẽ rõ rằng cuốn ấy chỉ là bản dịch cuốn Truyện Kiều nôm ra Hán-văn do một nhà nho đã viết sau khi Truyện Kiều xuất bản.

Ý-kiến thứ nhì. — Trong sách *Littérature Annamite* (Văn-chương Việt-nam) xuất-bản năm 1914, ô. Georges Cordier đã viết :

« Truyện *Kim Vân Kiều* là một cuốn truyện phỏng theo cuốn tiểu thuyết Tàu *Thanh nhân tài tình lục* 青人才情錄 vẫn được liệt vào hạng

(1) Nguyên văn chữ Pháp như sau : « Au moment où j'allais renvoyer à l'imprimeur la première épreuve de cette introduction et le lendemain du jour où, dans un mémoire que j'avais l'honneur de lire devant l'Académie des Inscriptions et Belles-lettres, je disais n'avoir pu découvrir à quel roman chinois on pouvait rattacher l'œuvre poétique de Nguyễn Du, je reçus de M. le Professeur Trương Minh-Ký qui l'ayant découvert à Saigon, avait l'obligeance de me l'envoyer aussitôt, ce roman que j'avais si longtemps cherché en vain. Il est intitulé « *Kim Vân Kiều lục* » ce qui signifie, à une légère nuance près, la même chose que le titre du poème lui-même. Malheureusement, comme je viens de le dire, cet exemplaire qui provient d'une édition tout récemment imprimée à Hà-nội ne porte pas de nom d'auteur. On trouve pour tous renseignements sur la couverture que cette édition, revue et gravée à nouveau par un lettré nommé Phước Bình-Lê, a été publiée sous le règne de Tự-đức dans le premier mois d'automne de l'année Bính-tí, c'est-à-dire en 1876 ». *Les poèmes de l'Annam. Kim Vân Kiều tân truyện* publié et traduit pour la première fois par Abel Des Michels, Publications de l'Ecole des Langues orientales vivantes, IIe série, Vol. XIV et XV, Paris, E. Leroux, 1884-1885 (Introd., p. II, note 1)

tài tử mà đã do một bậc nổi tiếng là Thánh Thán phê-bình» (2)

Cái ý kiến ấy đã do ô. *H. Maspéro* chỉ-trích trong bài bình-phẩm cuốn sách nói trên, nên ô. Cordier, trong sách *Morceaux choisis d'auteurs annamites* (Việt-Văn hợp-tuyển) xuất bản năm 1932, đã theo ý-kiến ô. Maspéro mà viết rằng : «Truyện Kim Vân Kiều là một cuốn truyện phỏng theo một bản tiểu-thuyết Tàu do Thanh-tâm tài-tử đã xuất - bản, theo lời ô. Maspéro.» (3)

Ý-kiến thứ ba. — Ô. *H. Maspéro* trong bài bình-phẩm cuốn sách của ô. Codier đã viết :

« *Tôi không biết ô. C. (Cordier) đã thấy cái nhan ông kể ra (tức là cái nhan Thanh nhân tài tình lục) ở đâu. bản chép tay ở Pháp quốc Viễn-đông-học-viện (tức là Trường Bác-cổ Hà-nội) có ghi ở ngoài bìa cái nhan Thanh tâm tài tử mà bốn chữ này chỉ là cái hiệu của Phạm Qui-Thích, một danh sĩ về cuối đời Lê, còn ở trong thì ghi cái nhan Kim Vân Kiều truyện* 金雲翹傳 ; *cuốn tiểu-thuyết này được coi là một cuốn ngoại-thư của Kim Thánh-Thán, trong có lời bình-luận của ông ký tên thư-viện của ông, Quán-hoa-đường bình-luận và lời hiệu chú của Phạm Qui-Thích (Thanh-tâm hiệu-chú). Bản in ở Hà-nội năm 1896 thì ghi cái nhan là Kim vân Kiều lục và không có tên tác-giả (Xem bản dịch truyện Kim Vân Kiều của Des Michels, Tiểu-dẫn, II, Lời chú I). Tôi không cần phải nói thêm rằng các lời bình-luận ấy mà cho là của Kim Thánh-thán thì thật không lấy gì làm chắc cả ; cứ ý tôi thì đó là một sự sai lầm mà cái nguyên-nhân như sau này :*

Quán-hoa-đường là tên thư-viện của Thánh-thán, mà Hoa-đường ở tỉnh Hải-dương là tên làng của Phạm-Qui-Thích ; một người sao chép nào đó, cậy mình biết rộng, thêm ngay chữ «Quán» lên trên mấy chữ «Hoa-đường bình-luận», thành ra cái tên Kim-Thánh-thán vốn nổi tiếng được đem vào đấy. Vậy đối với nguồn gốc truyện Kim Vân Kiều, ta chỉ có thể nói rằng truyện ấy dịch theo (kể cái tác-phẩm của Nguyễn Du, thì chữ dịch đúng hơn chữ phỏng mà ô. C. đã dùng, vì tác-phẩm ấy không khác gì bản nguyên-thư, chỉ trừ những điều vì ngôn-ngữ khác nhau và thi-luật bắt buộc phải thay đổi không kể) một bản tiểu-thuyết Tàu do Phạm Qui-Thích xuất - bản và hiệu - chú vào khoảng cuối thế-kỷ thứ 18. (4)

Khi ta xét đến hai bản khảo-chứng C và D, ta sẽ có dịp bàn đến ý-kiến này.

Ý-kiến thứ tư. — Ô. Thượng-chi, *trong một bài khảo về Truyện Kiều đăng trong tạp-chí* Nam-phong *hồi tháng Décembre năm 1919, đã viết :* « *Ai cũng biết rằng gốc truyện* Kiều *là tự Tàu, cũng như gốc bài tuồng* Le Cid *của nhà danh kịch nước Pháp Corneille là tự Tây-ban-nha .... Nhưng từ trước đến nay, chưa biết rõ nguyên tích truyện Kiều thế nào. Thường nghe tương truyền rằng có bản Kiều chữ thuật chuyện đến hồi Kiều trầm mình xuống sông Tiền-đường thì thôi, nhưng không thấy bản ấy lưu-hành, mà chỉ thấy những bản dịch lại truyện* Kiều *nôm ra chữ mà thôi : có lẽ nhiều người lại nhận lầm bản chữ dịch ấy với bản chữ nguyên chăng ? Gần đây ký-giả có đọc một tập thuyết-bộ đề là* Ngu-sơ tân-chí, *thấy trong có truyện* « Vương Thúy-Kiều » *của Dư Hoài, tự Đạm-Tâm, kể tường về lịch-sử nàng Kiều, phảng-phất như truyện* Kiều *nôm ta, mà việc thời thuộc về niên-hiệu Gia-tĩnh đời Minh ; ngờ rằng có lẽ chính là nguyên bản chữ mà cụ Tiền-điền ta nhân đấy đặt thành truyện nôm chăng.* » (5)

Rồi ở các trang sau, tác-giả dịch nguyên-văn truyện ấy ra quốc-ngữ.

Nhưng nếu đem so-sánh truyện ấy

Xem tiếp trang 21

DƯƠNG-QUẢNG-HÀM

2·) Nguyên-văn chữ Pháp như sau : « Le *Kim Vân Kiều* est une adaptation du roman chinois Thanh Tâm tài tình lục classé parmi les *tài-tử* et commenté par le fameux Thánh-Thán.» G. Cordier : *Littérature annamite. Extraits des poètes et des prosateurs.* Imprimerie d'Extrême - Orient, Hanoi-Haiphong, 1914 (p. 39).

3·) Nguyên-văn chữ Pháp như sau . «Le Kim Vân Kiều est une adaptation d'une nouvelle chinoise publiée par Thanh-tâm tài tử dit M. Maspero.» G. Cordier : *Morceaux choisis d'auteurs annamites.* Publié par la Direction de l'Instruction publique de l'Indochine. Imp. Lê Văn Tân, Hanoi, 1932 (p. 147).

4·) Nguyên văn chữ Pháp như sau : « Je ne sais où M. C. (Cordier) a trouvé le titre qu'il donne (il s'agit du titre *Thanh nhân tài tình lục*) : le manuscrit de l'Ecole française d'Extrême-Orient porte sur la couverture celui de *Thanh tâm tài tử* qui n'est qu'un *hiệu* de Phạm Qui-Thích, un écrivain célèbre des dernières années des Lê, et à l'intérieur celui de *Kim vân Kiều truyện* ; la nouvelle est donnée comme l'un des wai chou (ngoại thư) de Kin Cheng-t'an (Kim thánh thán), avec des jugements de lui signés du nom de sa bibliothèque, *Kouan-houa t'ang p'ing louen* (Quán hoa-đường bình-luận), et un commentaire de Phạm Qui-Thích, (Thanh tâm hiệu chú); l'édition imprimée à Hanoi en 1896 portait le titre de *Kim Vân Kiều lục* et n'avait pas de nom d'auteur (V. la traduction du *Kim Vân Kiều* de Des Michels, Introduction, II, n. I). Je n'ai pas besoin d'ajouter que l'attribution à Kin Cheng t'an est des plus douteuses ; il me semble même que c'est une erreur dont on peut voir l'origine ; si le Kouan-houa t'ang (Quán hoa đường) est la bibliothèque de Cheng t'an, Hoa-đường, dans Hải-dương, est le nom du village natal de Phạm Qui-Thích ; une correction d'un scribe trop savant aura ajouté le caractère «quán» en tête du colophon (Hoa-đường bình luận), et par là se sera introduit le nom un peu trop célèbre de Kin Cheng-t'an. Tout ce que nous pouvons dire des sources du *Kim Vân Kiều* est donc que le poème est traduit (ce mot convient beaucoup mieux au travail de Nguyễn Du que le terme d'adaptation qu'emploie M. C. car il ne s'écarte guère de son prototype qu'autant que les différences de langage et les nécessités du genre poétique l'y obligent) d'une nouvelle chinoise publiée avec des commentaires par Phạm Qui-Thích dans les dernières années du 18e siècle. » *Bulletin de l'E. F. E. O.*, 1914, No 9, pp. 4-5.

(5) Thượng-chi, *Truyện Kiều*, Nam-phong tạp-chí, số 30, Décembre 1919, tr. 487.

CHUYỆN THƠ TRÀO - PHÚNG

Gậy tầy, tay thước, cứu cô dâu!

HƠN 30 năm trước đây, tại Phố H. G. cổ xưa, cũ kỹ của thành phố Hanoi ta đã xảy một tấn hài kịch: Ông Cử Đ. một ngày hai lần đóng vai « chú rể » với chiếc áo thụng xanh, rộng thùng - thình, dài lê-thê, ôm - đồm chực khóa xuân cả hai Kiều trong một chiếc nhà không phải là đền Đồng-Tước.

Nguyên-nhân ? Chỉ vì ông ta hân hạnh được đeo cái « biển chiêu hàng » bằng mấy chữ tên đề trong Hồ-bảng, vội thực hành ngay cái dã-tâm « thôn tính » cả hai Kiều cho thỏa tấm lòng tham tài, háo sắc.

Tham của trời ? Ôi thôi, thì thâm ! Chuyện vỡ lở ! Gia-quyến người mỹ-nhân thứ hai không chịu để cho tấm thân tiểu-thư nghìn vàng kia phải trầm-luân trong cảnh :

« Cố dấm ăn xôi, xôi lại hỏng !
« Cầm bằng làm mướn, mướn không công ! »

Họ, gậy tầy, tay thước, ồn ào nhằm phố H. G. thẳng tiến, kêu gọi mỹ-tự ông khoa mục ấy một cách rất hung hăng, rồi hạ luôn cho một bức « tối hậu thư » : « Muốn sống thì thả cô Mỗ ngay ra, không thì chúng ông phá nhà nhà mày bây giờ ! »

Việc không êm ! Hột châu lại về bến Hợp ! Tân-giai-nhân, sau khi được « giải-phóng », vừa mừng, vừa tủi, tưng-hửng về nhà dưới sức hộ-vệ của gậy dài, dao nhọn, giữa vùng không-khí vang-dậy tiếng « khải ca ».

Nhà trào-phúng đương thời, trước cảnh bật cười ấy, có « kính tặng » ông Cử Đ. mấy vần mai mỉa :

Ới ông cử Đ... kia ơi !
Đừng tham, chớ tiếc của giời làm chi !
Bây giờ miệng tiếng bấc chì,
Cái danh-giá ấy, sau thì làm sao ?

◆

Khéo khéo tu-thư... !

Tu thư ! Ai chẳng bảo là một việc làm « mở mắt » cho hạng « đui mù », « mớm cơm, bón cháo » cho lớp người đói khát về món ăn thiêng-liêng, thưa các bạn ? Nhưng khốn nỗi trong ban tu thư lại gồm có những nhân-vật *phi-thường* đủ tư-cách cung tài-liệu cho nhà thơ trào-phúng, nên « tu » nó mới thành ra « tu-hú », mà « thư » nó mới có nghĩa là « vô sách vô sư »!

Đứng *làm sổ* ban tu thư ấy ? Một *thân già* chỉ *chịu khó* vì chiếc cần câu cơm !

Bám vào, lại thêm một chàng *tuổi trẻ* chỉ *ngồi không cũng lương* nhai, chẳng tháng nào sứt !

Da dĩ, chú giỏi về *nước bạc*, cậu tài bộ về *hơi men*, anh sở trường về *giọng-phỏ*, bác thiện-nghệ về lối *khóc* trào nước mắt cá sấu...Những cái phi - thường ấy đã gặp nhau trong một tòa Tu-thư, đã góp lại thành một pho « sách » lưu-phương thiên-cổ.

Thành thử cái « vĩ-đại » ấy, cái « oanh-liệt » ấy của các bực hiền-triết bấy giờ còn được ca tụng mãi trong bài thơ trào-phúng mà dưới đây chỉ trích lấy hai câu :

Khéo khéo tu thư một lũ mường !
Giời xanh đành nhẽ mãi không thương ?

Kiểm duyệt bỏ

SONG - CỐI

Cùng các nhà Đại lý bán

Báo Tri-Tân

Đợi bán song kỳ số 4 này, các ngài làm relevé giả tiền cho. Báo còn lại, các ngài cứ giữ, đợi khi nào nhà báo cần đến, sẽ có thư nói với các ngài gửi giả (có gửi giả thì các ngài cứ cuộn lại rồi đếm xam bao nhiêu số sẽ gián cứ một xu 5 quyển báo). Cảm ơn các ngài lắm lắm.

ban Trị-Sự T. T.

Nguyễn đình Liên
Maison de Confiance
Objets d'art anciens et modernes
108, Rue Jules Ferry — Hanoi

Kiểm duyệt bỏ

Người mình sang ở Tàu

Số 2

Năm Ứng-thiên thứ ba (996) đời Lê, Hoàng-thành-Nhã, tướng trấn Triều-dương (thuộc Hải-ninh, Bắc-kỳ), có nhận được 113 người, vừa già, trẻ, giai, gái, do tên giặc Văn-Dũng dẫn đi, trốn sang châu Khâm (bên Tầu) mà quan tỉnh Quảng-tây là Trần-Nghiêu-Tầu buông thả cho về. Vậy thì không rõ còn sót bao nhiêu người nữa.

Năm thứ mười đời ấy, Hoàng-khánh-Tập, đầu-mục thành Nhật-hiệu, (theo sách An-nam chí, thì tức là Hiệu-thành-trường, nhưng vẫn không chỉ rõ ở đâu; có nhẽ ở về vùng giáp bể tỉnh Nghệ-an, Trung-kỳ bây giờ, vì việc này chép trong sử liên tiếp ngay với việc vua Đại-Hành ngự vào Hoan-châu, tức là Nghệ, rồi xảy ra những việc dân trường này phản và dân trường kia trốn đi), dắt cả bọn hơn 450 người lên Khâm-châu, nhưng lại phải khua đi ở bờ bể, không được ở chỗ châu ly.

Đời vua Nhân-tôn nhà Trần, vào năm Thiệu-bảo thứ bảy (1285) quân Ô-mã-Nhi kéo đến Đông-bộ-đầu (tức là bờ sông Nhị-hà). Nước mình dẫn cơ hồ bị giẫy bằng như bãi đất, nhưng trong nước còn có tướng tài như Trần-quốc-Tuấn, sứ-thần như Đỗ-khắc-Chung, vân vân..., thì non sông cũng còn hi-vọng vững như kim âu được. Khốn nạn thay bọn Tĩnh-quốc đại-vương là Quốc-Khang, Chương hiến-hầu là Trần-Kiện và tất cả liêu thuộc là lũ Lê-Tắc đã vội dẫn gia-quyến đi hàng quân địch! Rồi Toa-Đô cho đưa cả lũ sang Yên-kinh (Tầu).

Kiện bị Nguyễn-địa-Lô, người nhà Quốc-Tuấn, bắn chết ở dọc đường. Còn thừa đều thoát khỏi và sống sót ở bên Tầu.

Sau, Lê-Tắc có viết quyển An-nam-chí-lược kể hết địa-lý, phong-tục và truyện sử nước Nam lưu hành ở nước người.

Văn-chiêu-hầu là Lộng và Chiêu-quốc-Vương là Ích-Tắc, đều là kim chi ngọc diệp nhà Trần, cũng lục-tục đem gia quyến ra hàng địch cả! Ích-Tắc rất thông minh, hiểu nhiều kinh sử, văn chương giỏi, đá cầu mạnh, đánh cờ cao, chỉ hiềm tâm địa bán nước, đến nỗi thường viết thơ riêng cầu quân Nguyên kéo sang Nam để tùng trung thủ lợi! Kết cục Ích-Tắc, người trên trán có vệt như con mắt kia, chết ở đất Bắc!

Đồng-thì, bọn Phạm cự-Địa, Lê-Diễn, Trịnh-Long vân vân cũng đều đưa gia-quyến ra hàng giặc rồi sang Tầu cả.

Năm Xương-phù thứ chín đời Phế đế nhà Trần (1385), Minh có sai sứ cầu hai mươi vị sư, vì bọn Nguyễn-tông-Đạo bị tống sang Kim-lăng khai rằng «sư Nam biết phép dựng đạo tràng hơn sư Bắc».

Năm Quang-thái thứ ba đời Thuận tôn nhà Trần (1390), Nguyễn-Khang chạy sang Minh, tự xưng là cháu họ Trần (tức là Thiêm Bình, sau xưng là Trần-Cảo), được Minh sai tướng đưa về nước năm Khai-đại thứ tư đời Hồ hán-Thương (1406).

Sau khi hoàn toàn thất bại, cha con, anh em, con cháu họ Hồ đều phải áp-giải sang Kim-lăng. Hồ-Trừng tiến phép thần-sang (súng), được Minh cho làm quan và ân xá cho cả họ. Cùng chuyến đi này, Hồ-Đỗ, Nguyễn ngạn-Quang, vân vân... đều đến Kim-lăng.

Năm Vĩnh-lạc thứ mười một đời Minh (1413), Hoàng-Phúc chọn thợ sang Yên-kinh đóng thuyền. Sau lại chiêu dụ quan cũ tiền-triều đưa sang Yên-kinh làm quan và tìm những người học-thức giỏi đưa sang Kinh (Tầu) lục dụng.

Tất nhiên những người kể trên này còn giòng giõi ở Tầu hoặc ít hoặc nhiều, nhưng không biết hiện ở vào tỉnh nào vậy.

Trần-hàm-Tấn

Các ngài đã giả tiền báo

Muốn tiện việc, chúng tôi đăng quý tính phương danh các bạn đã gửi tiền báo, ngài nào gửi rồi mà không thấy tên đăng dưới đây xin cho nhà báo biết ngay để chúng tôi dễ tra cứu (ở bảng này không kể các ngài giả tiền rồi đã có biên lai của nhà báo):

M. M.	Ng.-chí-Hiền	Hanoi	1$50
	Trịnh-v-Cương	—	2.80
	Phạm-nhữ-Dực	—	2.80
	Mai-Phương	—	1.50
	Phạm-gia-Tường	—	1.50
	Vũ-văn-Thu	—	1.50
	Trương-đg-Doanh	—	1.50
	Trần-trọng-Khiêm	—	1.50
	Vũ-huy-Thành	Hphong	2 80
Cô	Hoàng-thị-Sâm	Hađông	2.80
M. M	Lê văn Lữ	—	2.00
	Văn Hải	Haidương	2.80
	Trần duy Phùng	Hongay	5 50
	Lương Nam	Laokay	5.50
	Trần đức Cảnh	—	2.80
	Ng. văn Bát	Phúc yên	2.80
	Vũ văn Lễ	Sơn tây	1.50
	Phí văn Tâm	—	1.50
	Hoàng tất Phùng	Thanh hóa	0 50
	Hoàng đức Hanh	Suzannah	1.50
	Ng. tư Uyển	Pnompenh	2 80

(Còn nữa)

Đôi chuyện về PHAN THANH GIẢN

BẤT - đồ, tôi lại gặp cụ Huỳnh - thúc - Kháng. Thì mới năm nào, tôi đã xen vào giữa cụ và ông Trần-thanh-Mại về quyển « *An-nam chí lược* » của LÊ-TAC nhà Trần.

Nay lại xen vào giữa cụ Huỳnh và ông Đỗ-Trầm, tác-giả hai bài về Phan-thanh-Giản trong «*Nghệ-Thuật Việt-Nam* » số 1 và số 2.

Khi đọc xong hai bài đó, tôi định có mấy lời thương-xác cùng ông Đỗ, mong ông chỉ bảo lại đôi điều tôi muốn biết và cũng mong độc-giả chư-tôn, ai biết rõ hơn, vui lòng dạy cho.

Chưa kịp viết thì tôi liền được đọc bài của cụ Huỳnh chỉ-trích ông Đỗ-Trầm mấy đoạn.

Vậy tôi xin có bài này, ngoài ý muốn đã định trên kia, lại cũng để biện-hộ Đỗ-quân đôi chỗ.

Bài của ông Đỗ chia rành : 1) Phan đối với vợ; 2) Phan đối với văn. Tôi cũng theo thứ-tự ấy mà nói cho tiện.

Ông Đỗ-Trầm nói Phan « *quê ở Vĩnh-bình, tỉnh Vĩnh-long (nay là quận Batri, Bếntre)* ». Điều này không đúng. Cụ Phan thủ-tịch Vĩnh-bình huyện vì lúc ấy cha là Phan-Xán, tự Văn-Ngạn (không phải Phan-thanh-Ngạn), làm chức Thủ - hạp (tùng bát phẩm, 8-2) trong nhà tơ tại tỉnh. Mà Vĩnh-bình là Long-hồ (nay thuộc Vĩnh-long), còn Ba-tri thì thuộc Bảo-an huyện, một huyện đặt ra từ năm Minh-Mạng thứ tư (1823).

Cũng như Đơn-duệ, quê-quán của vợ cụ Phan, mà ông Đỗ viết là Đơn-vệ. Đơn-duệ trước thuộc huyện Minh-linh (hay Địa-linh), mà nay là Vĩnh-linh (Chợ Huyện, Quảng-trị) cách Huế 100 cây số.

Bây giờ tôi mới nói ngay đến chỗ mà ông Đỗ-Trầm cố ý gọi là « *Cái ngông của Phan-thanh-Giản* » cũng như người ta cố ý nói « thơ-văn của Tú-Xương là zéro ».

Chỗ ngông của Phan — theo ông Đỗ-Trầm — là *suốt đời xa vợ, để vợ cam chịu lạnh-lùng trong trướng liễu.*

Bà Phan có cam chịu lạnh-lùng suốt đời không, tôi sẽ nói sau. Điều tôi cần nói ngay là tôi rất lấy làm lạ vì câu của tác-giả : « *(Cụ) đến nói cưới ngay. Và ngay tối hôm đó, bà Trần-thị-Hoạch đã về với cụ rồi.* »

Không biết ông Đỗ thấy ở đâu mà nói quả-quyết thế, chớ riêng tôi, tôi rất ngờ. Ai còn lạ gì : thời ấy và người ấy, mỗi chút mỗi phải giữ *lễ*.

Cụ Phan còn nói với bà vợ mới cưới rằng : « *Cha tôi sanh có một mình tôi...* ». Chắc hẳn là cụ Phan không từng thốt câu ấy với ai bao giờ, vì cha cụ, Mai-dã tiên-sanh (hiệu của Phan-Xán nghĩa là ông thầy ở gảnh Mù-u), có cả thảy năm trai, năm gái và đến năm Minh-Mạng thứ chín (1828), năm cưới bà Trần-thị-Hoạch, cụ Lương-Khê hãy còn em trai, em gái sờ-sờ.

Đây là những bằng chứng :

Năm Minh-Mạng thứ 7 (1826), khi mãn hạn nghỉ để vinh qui bái tổ, cụ Phan cùng em trai là Nghị ra Kinh. Đến Mũi-Né (Vị-Nê), vì bịnh-hoạn, anh em cực-khổ vô-cùng. Năm thứ 10 (1829) cụ cho em về phụng-dưỡng cha già. Năm thứ 13 (1832), nhơn bị cách chức và bị bắt làm lính, cụ phải theo chiếc « *Linh-phượng* » đi Hạ-châu. Khi đi ngang Mũi-Né, cụ có làm bài thơ « Vị-Nê ức xá-đệ» mà bốn câu chót như vầy,

« *Cấp nạn tích-linh cảm;*
« *Phân phi, hồng-nhạ sầu.*
« *Thừa hoan hỉ hữu nhĩ,*
« *Sai khả ủy thân ưu.*

Mồng hai tháng mười một năm ấy (Minh-mạng 13, 1832), Mai-dã tiên-sanh có viết cho cụ Phan một cái thơ :

« *Phụ mỹ-tự Ngạn ký Phan:*
« *thanh-Giản tường-tri :*
« *Vả gia-sự bình an, như ngày*
« *trước có thơ về rằng đi Hạ-châu*
« *đã về mà mạnh khỏe...*
« *Nay thằng Nghị vợ chồng về*
« *ở đó, con Hiếu cũng về ở đó-*
« *còn con Suất (1) vợ chồng ở Cần.*
« *giuộc cũng năng về thăm viếng*
« *Mà nó, con đặng một trai một*
« *gái, Nghị có con một trai một*
« *gái, con Hiếu có hai trai,*
« *với thằng Côn thằng Thích cũng*
« *đều về ở đó. Nay thơ.* »

Vậy lúc cụ Phan-Lương-Khê sa-đà hoạn-thứ thì ở nhà có các em và các cháu hủ-hỉ cha già.

Ông Đỗ viết tiếp :

« *Rồi ngay đấy, cụ đưa phu-*
« *nhân về làng Bảo-thạnh. . Cụ*
« *liền ra đi ngay. Trước khi đi, Cụ*
« *còn dặn vợ... Bà khẳng-khái*
« *trả lời...* »

(1) Hiếu và Suất là em gái cụ Lương-Khê.

ĐÓN COI SỐ TỚI :

Biện chính hai tiếng « thằng ngô » của LIÊN-GIANG
Ngó qua nghề báo ngoại - quốc của NHẬT-NHAM

Lại càng lạ nữa: Cụ cùng phu-nhân về làng, nhưng sao cụ còn nói trong bài cụ thuật lại hành-trạng của cha khi cha qua đời : « *Từ ngày ra làm quan chẳng được một phen qui tỉnh để được thân thừa sắc dưỡng ; chỉ có năm Minh-Mạng 16 (1835), nhơn đi Trấn-Tây mới mời cha đến Vĩnh-long để được gặp mặt.* » « *Thuật-trạng* » viết năm Thiệu-Trị thứ 2, (1842).

Và khi cha qua đời, cụ « *về để chịu tang, chứ không phải về với vợ* », ông Đỗ-Trầm cố nói thế để chứng việc Phan bắt vợ cam chịu lạnh-lùng trong trướng liễu. Song, sự thật không phải vậy. Sự thật là khi nghe hung-tín, cụ Phan liền theo đường bộ mà về trước, còn vợ thì vượt biển bôn tang (theo tập « *Tiên-mẫu hành trạng thuật* » của ông Phan-Hương, con trai cụ Lương-Khê).

Thế thì, khi được phép về chịu tang, vợ cụ có ở Bảo-thạnh đâu mà phải nói « không phải về với vợ » ?

Chắc có người — nhứt là ông Đỗ-Trầm — sẽ hỏi tôi : Vậy bài thơ « *Từ thuở vương mang mối chỉ hồng* » có phải là của cụ Lương-Khê không ? Nếu phải thì câu « *Cha già nhà khó cậy nhau cùng* » ý muốn nói gì ?

Bài thơ này, theo tôi nghĩ, là của cụ Phan làm lúc cha đã qua đời, lúc mãn hạn đình-giau, cụ phải về Kinh lãnh việc. Còn hai chữ : « *Cha già* » là ý cụ nhờ bà vợ thay mình mà giữ việc cư tang báo hiếu.

Vì sao ? — Vì cha cụ qua đời ngày mồng sáu tháng năm, năm Thiệu-Trị thứ hai (1842) thì qua ngày 13 tháng ấy, em trai cụ, Phan-Nghị, cũng chết theo. *Bát nước vùa hương* (nén hương), còn ai săn-sóc !

Còn con trai lớn của cụ, Phan-Duân, thay cha mẹ về hôm sớm vơi ông từ năm Đinh dậu (Minh-Mạng 18) là lúc mới lên tám tuổi, thì nay cụ lại đem về Kinh để tiện bề học-tập.

Vậy nên những buổi cúng sáng chiều, những ngày lễ tường-đạm, không con thì dâu, bà Phan phải thay chồng lo liệu.

Rồi ba năm tang-khó vừa xong, bà bèn cùng ba con : *Hương, Liêm, Tôn* ra Huế, và thẳng đường về Quảng-trị thăm viếng mẹ cha.

Cụ Phan nào có suốt đời xa vợ, vì ngoài mấy điều tôi vừa kể trên, trong những năm Minh-Mạng 11, 12, 14, 16, 18 và 21, Phan phu-nhân lần lượt sanh được sáu trai cả thảy.

Chỉ có từ năm Tự-Đức thứ hai (1849), bà mới về ở luôn tại Bảo thạnh để thay cụ mà lo sửa sang mồ mả tiền-nhân, xây dựng nhà thờ tiên-tổ.

« *Khi sống đã chẳng hay nước dâng cháo kính cho cha thì lúc chết phải táng gần phần mộ* », đó là lời bà than cùng các con ; nên dẫu gặp buổi loạn-ly, bà cũng chẳng chạy đi đâu, để được chết già tại gảnh Mù-u, để được chôn cất tại làng Bảo-thạnh.

●

Đến bài sau của ông Đo-Trầm đăng ở « Nghệ Thuật Việt Nam » số 2 mới làm cụ Huỳnh phải hang hai cãi.

I. Khoa thi Bính-tuất. — Về khoa này, ông Đỗ-Trầm nói có 11 người đỗ tấn-sĩ : 10 người Bắc kỳ và 1 người Nam kỳ. Bằng vào bảng khoa-lục, cụ Huỳnh bảo rằng chỉ có 10 người.

Mười thì mười. Trong *Văn-Lang* số 3, ra ngày 12 Août 1939, tôi cũng đã đính-ngoa và có chép đủ cả tên 10 người theo bảng khoa-lục đó do anh Đào-duy-Anh gửi cho.

Thật tình thì khoa ấy chỉ có chín tấn sĩ. Mà Phan lại chỉ là một người được vớt. Thế là Phan đậu thứ mười.

Đọc đến đây, cụ Huỳnh hẳn không bằng lòng và nói : rõ-ràng Phan đỗ số ba, sau Hoàng-tế-Mỹ và Nguyễn-huy-Hựu.

Thì trong báo Văn-Lang tôi cũng vẫn nói vậy. Mà đây là việc biết thêm cho vui.

Khoa thi này, làm giám-khảo là những ông Nguyễn xuân-Thục, Trần-lợi-Trinh, Phan-huy-Thực và Lê đăng Doanh. Các ông này chỉ lấy đỗ có chín người mà toàn là hạng *thứ* cả Vua Minh-Mạng chẳng vui. Ngài phàn-nàn rằng từ khi vừa lên chấp chánh trị vì Ngài đã để tâm lo-lắng cho thần-dân về đường học hỏi, chớ nào phải mới đầu hôm sớm mai

(*Xem tiếp trang 14*)

Phòng thăm bệnh của

BÁC - SĨ

Nguyễn-hữu-Phiềm

Chef de clinique des maladies cutanees et Syphilitiques à l'École de Médecine

Chữa các bệnh — Chuyên chữa các bệnh ngoài da, và bệnh đàn bà — Có phòng thí-nghiệm thử vi-trùng.

Buổi sáng : 11 giờ đến 12 giờ — Buổi chiều : từ 3 giờ đến 7 giờ

22, Rue des Pottiers (trước cửa đền hàng Trống)

TEL. N° 15.82

NƯỚC Á VỚI CUỘC ÂU CHIẾN

NGÀY tháng qua. Việc Ý chinh-phục Á (Éthiopie) đã bị vùi sâu dưới «vực» thời-gian ảm-đạm ! Đột nhiên cuộc Âu-chiến hiện-thời lại làm cho việc nước Á « sống lại » trong ký-ức hoàn-cầu.

Á là một nước rừng núi ở phía đông châu Phi, bắc giáp Hồng-hải, vịnh Aden và xứ Ai-cập (thuộc-địa Anh), tây giáp xứ Soudan Egyptien của Anh, nam giáp xứ Đông Phi (thuộc-địa Anh), đông giáp xứ Somalie của Anh và xứ Somalie của Ý.

Vì địa-thế ở gần thuộc-địa hai cường-quốc Anh và Ý, nên đã bao năm nước Á vẫn làm cái đích cho cuộc bành-chướng thế-lực hai nước ở miền Đông-Phi.

Năm 1906, Anh, Pháp, Ý ký hợp-ước tay ba để cùng nhau chia những khu-vực thế-lực trên mặt địa-cầu.

Tờ hợp-ước tam cường mới ký được ít lâu, hai nước Anh Ý lại cùng ký một hợp-ước riêng, không đả-động gì đến nước đồng-minh thứ ba, coi thường chữ ký năm xưa và bán rẻ cả cái đại-danh cường quốc.

Hợp-ước ký và hủy dễ-dàng như thế, lại không có một Tòa Án quốc-tế phân-xử, nên chẳng bao lâu tờ hợp-ước Anh-Ý cũng theo số-phận tờ hợp-ước tay ba mà bị coi thường.

Nước Ý, ngoài tuy kết thân với Anh, nhưng trong vẫn ngầm nuôi lòng tham, muốn cướp ngôi bá-chủ Địa-Trung-Hải của Anh-cát-Lợi.

Đã sẵn có xứ Lybie về phía tây Ai-cập, một khi Ý chiếm được nước Á về phía đông Ai-cập, thì xứ Ai-cập cẽ lọt vào giữa hai lưỡi kìm của Ý. Vấn đề Ai-cập sẽ tính từng ngày : Ai-cập mà mất vào tay Ý thì kênh-đào Suez sẽ bị kiềm-tỏa. Khi đó dù Anh có đem toàn-lực ở xa lại phòng-thủ chăng nữa, chắc cũng không địch lại được với cái thế « dĩ dật đãi lao » của Ý ở ngay duyên-hải. Rồi từ Suez đến ngôi bá-chủ Địa-Trung-Hải, sẽ chẳng bao xa !...

Dự sẵn quân-nhu, chiến-lược, nước Ý không giấu được lòng tham, bèn lấy cớ đông dân-cư, cần phải mở mang lĩnh-thổ, rồi gây sự với nước Á, một « bạn cùng hội » trong Hội Quốc-Liên.

Đại-biểu các nước bao lần hội-nghị trên bờ hồ Genève để điều-đình cho Á Ý trở lại « nghĩa cũ tình xưa », nhưng mỗi lần Hội Quốc-liên nhóm họp, là một lần quân Ý chiếm sâu vào nội-địa Á !

Về phần Anh là cường-quốc có địa-vị trọng yếu trong Hội Quốc-liên, Anh còn bận lo phương-Pháp phòng-thủ đế quốc mình.

Anh lo : nếu Ý chiếm được Á, sẽ nguy cho các thuộc-địa của mình trên Ấn-độ-Dương ! Anh nghĩ đến vấn-đề Ai-cập ! Anh chú-trọng đến việc giữ kênh-đào Suez ! Anh tính đến cuộc giao-tranh trên mặt Địa-Trung-Hải giữa mình và Ý !

Vì vậy, Anh cho quân đến đóng các nơi căn-cứ trong Địa-trung-Hải và các tàu chiến Anh cũng được lệnh đi tuần-tiễu các nơi. Các thuộc-địa Anh cũng hết sức phòng-thủ !

Trong khi trên bờ hồ Genève, các ông đại-biểu các nước còn đang kéo giải cuộc hội nghị, vẫn chưa giải-quyết ra sao, vì hai bên đấu-thủ cùng là hội-viện Hội Quốc-liên cả, thì cuộc chiến-tranh Á-Ý vẫn quyết-liệt ! binh-gia Ý vẫn nắm phần thắng lợi trong tay !

Mãi đến khi cuộc chiến-tranh sắp kết liễu, Hội Quốc-liên mới tuyên-bố trừng-trị nước Ý về mặt kinh-tế : cấm không nước nào giao-dịch với Ý và ra lệnh tịch-thu hết các hóa-phẩm tải sang Ý !

Tuy vậy, nhờ sự hi-sinh của quốc-dân Ý (có nhiều phụ-nữ tháo các đồ trang-sức và đem kim ngân châu báu quyên vào việc chiến-tranh), nên việc trừng-trị của Hội Quốc-liên không có hiệu-quả.

Chẳng bao lâu, quân Ý tiến được vào Addis Abeba là kinh-đô nước Á Vua Á phải xuất-dương, nước Á từ đó nội-thuộc Ý-Đại-Lợi !

Dần dần các nước công-nhận cuộc bảo-hộ Ý trên đất Á. Ý công-nhiên khai-thác thuộc-địa mới chiếm được, để mở mang thế-lực trên đất Đông-Phi.

Á-hoàng, gặp cơn quốc-biến, phải lánh sang Anh để chờ thời đem quân về khôi-phục cố quốc.

Cuối năm 1940, nhân lúc quân Ý bận chống nhau với quân Hy-Lạp, bị nhiều trận đại-bại, quân Anh bèn khởi sự ở Bắc-Phi, đánh vào nhiều nơi căn-cứ-địa ở xứ Lybie và ở nước Á thuộc Ý bảo-hộ.

Nhờ có quân hùng, tướng mạnh, chiến-cụ tối-tân, binh-khí tinh-nhuệ, quân Anh tiến được rất mau vào nội-địa bên địch, chiếm được kinh-thành Addis-Abeba cùng nhiều nơi hiểm-yếu và bắt được hàng triệu tù-binh.

Sẽ tiếp

Nhật-Nham

Hà nội ngày nay không như Hà nội dưới mắt — nhà học-giả — TRƯƠNG - VĨNH - KÝ

ÔNG Paul Bert dã bổ vào viện Cơ-mật ở Huế một nhà học-giả có tiếng ở Nam-kỳ tên là Trương-Vĩnh-Ký (1), một kỳ-tài nhưng chưa được đem dùng mặc dầu đã có nhiều Chính-phủ sang cai-trị ở Nam-kỳ (2).

Được trọng dụng, nhà học-giả Trương-vĩnh-Ký đã biên thư cho quan Toàn-quyền P. Bert, trong thư có câu : « Tôi được như vậy, trong thâm tâm lấy làm hả-hê lắm ! Cái danh tiếng bác-học của quan lớn sẽ không bị giảm vì quan lớn đã dùng một người nguy-hiểm như thuốc độc, một tên ngoan-dân. Quan lớn chỉ là thực hành câu ngạn-ngữ la-tinh : « *Đem cái trái ngược ra chữa cái trái ngược* » (3).

Rồi, quan Toàn-quyền cử nhà học-giả ra Bắc-kỳ điều-tra về tình-hình trong nước (4). Vì thế, năm Ất hợi (1876), ông Trương-vĩnh-Ký đã ghi vết chân trên đất *Thăng-long* này, đã chép vào tập kỷ-hành những cuộc đi thăm thắng-cảnh ở Hà-nội (5).

Nay xin trích ra sau đây :

Đi coi cảnh chùa ông Nguyễn-đăng-Giai lập một bên mép hồ Hoàn-gươm. Nguyên thuở ấy Nguyễn-đăng-Giai ngồi tổng-đốc Hà-nội người bày ra cho đi tha quyên tiền quan dân mà lập lên kiểng cảnh chùa thờ Phật. Làm cũng đã công-phu lắm, tốn tiền gạo hết nhiều, nên có bài thơ học trò Bắc chê ông ấy (6).

. . . . . .

Cảnh chùa ấy thật đã nên là tốt : Vô cửa hai bên có tháp cao. Vào trong có hồ đi quanh co vòng theo chùa, lại ăn lọt dưới chùa nữa. Hai bên mép xây gạch, xây đá cả. Cầu bắc từ phía qua chùa đều cũng xây đá gạch hết hẳn-hoi. Xung quanh bốn phía có nhà hành-lang chạy giài ra sau giáp nhau. Trong chùa đằng trước để tượng Phật đứng bàn cả đám, hình lớn to, quang thếp cả. Hai bên có làm động và thập điện, đều bong hình nổi ra hết. Đàng sau có đền, có tạc hình cốt ông Nguyễn-đăng-Giai. Phải đá nhà người lo tu-bổ giữ gìn thì ra một cái Kiểng rất sinh, rất đẹp. Mà nay thầy chùa, thầy sãi ở đó, dỡ ngói, cậy gạch bán dần dần đi mà ăn, nên hư tệ đi, uổng quá (7).

. . . . . .

Trước hết tôi vô hoàng-thành cũ. Lọt khỏi Ngũ-môn-lâu, lên đến Kỉnh (kính) Thiên. Đền ấy nền cao lắm, có 9 bậc xây đá thanh, hai bên có hai con rồng cũng đá lộn đầu xuống. Cột đền lớn trót ôm, tinh những là gỗ liêm (lim) cả. Ngó ra đằng sau còn thấy một hai cung-điện cũ chỗ vua Lê ở thuở xưa, bây giờ hư tệ, còn tích lại đó mà thôi. Ra ngoài cửa ngũ-môn-lâu, thẳng ra cửa nam, có cột cờ cao quá xây bằng gạch, có thang khu ốc trong ruột nó mà lên cho tới trên chót vót. Coi rồi mới ra đi đến xem chùa một-cột là cái miếu cất lên trên đầu cây cột đá lớn trồng giữa ao hồ. Nguyên tích ai thiết-lập ra, thì người ta nói mờ ơ(lờ-mờ) không biết lấy đâu làm chắc cho mấy. Cứ sách Sử-ký và Đại-Nam nhứt-thống-chí, thì chùa ông thánh đồng đen kêu là Trấn-võ quan-ưt, ở về huyện Vĩnh-thuận, phương Đoan-Chương đời nhà Lê, năm Vĩnh-Trị năm Chính-Hòa, vua Hi-Tông (1675) sửa lại đúc tượng đồng đen cao 8 thước, 2 tấc, nặng 6600 cân, tay hữu chống trên cây gươm, chỉ mũi trên lưng con rùa, có rắn vấn đoanh (cuốn quanh) theo võ gươm. Trong sử nói đời Thục vua An-Dương bị tinh gà ác và phục-quỉ núi Thất-diện mà nhờ có thần hiện trên núi Xuân lôi thuộc về tỉnh Bắc-Ninh trừ ma phá quỉ hết đi, thì vua dạy lập miếu phía bên bắc thành vua mà thờ là Thần, đặt hiệu là Trấn Thiên chấn võ đế quân... Còn chùa Nột-cột thì

(1) Ông, họ Trương, huy Vĩnh-Ký, tự Sĩ Tài, quan làng Vĩnh-Thanh, tổng Minh Lý, huyện Tân-minh, tỉnh Vĩnh-long (Nam-kỳ). Là con trai thứ hai cụ Trương-chánh-Thi, Lãnh-binh triều Minh-mệnh, ông sinh năm Đinh-dậu đời Minh-mệnh thứ 18 (1837) và mất năm Mậu tuất đời Thành thái thứ 9 (1898), thọ 61 tuổi.

(2) P. Bert au Tokin. J. Chailley Paris Charpentier 1887, p. 66,67.

(3) Thơ viết ngày 7 Juillet 1886.

(4) Tờ trình của ông T. v. Ký cho Thủy quân Đô-đốc Duperré ngày 28 Avril 1876

(5) Voyage au Tonkin en 1876 Chuyến đi Bắc-kỳ năm Ất-hợi (1876) Saigon quillland et martuion 1881.

(6) Bài thơ này đã dẫn trong « Chuyện thơ trào-phúng » đăng ở Tri-Tân số 1

(7) Voyage au Tonkin en 1876 — page 5.

Xem tiếp trang 10

LẼ TẤT NHIÊN LÀ RẺ

Đương khi hàng khan — và cao giá —

nhà CH'ROANH TAILOR

— 39, phố hàng Trống Hanoi —

Hàng đẹp
May khéo
Giá hạ

rất may vừa nhận được chuyến hàng mới về.— các ngài nên lại ngay đấy thế nào cũng được vừa ý

cũng ở hạt huyện Vĩnh-Thuận, lang Thanh-Bửu ở giữa cái hồ vuông, có trạ đá cao tròt trượng, yêu viên (chu-vi) chừng 9 thước, trên đầu có cái miếu ngói chồng lên, như cái hoa sen ở dưới nước ngóc lên. Sử chép rằng : Thuở xưa vua Lý-Thái-Tông nằm chiêm-bao thấy Phật Quan-âm ngồi tòa sen dắc (dắt) vua lên đài. Tỉnh dậy học (thuật) lại với quân thần, sợ điềm có xấu có hệ chi chăng. Thì thăng chùa thầy sãi tâu xin lập ra cái chùa thế ấy, đặng cho các thầy tụng kinh mà cầu diên thọ cho vua, thì vua cho và dạy lập ra. Qua đời vua Lý-Nhân-Tông sửa lại, bồi bổ lập tháp, đào ao, xây thành, làm cầu, tế tự. Hễ tháng tư, mồng 8, vua ngự ra đó, kỳ yên... » (8)

Thì ra trong khi ông Trương-vĩnh-Ký ở Hà nội đã đi xem khắp cả kinh thành. Theo đoạn trên, ông đã xem chùa Quan Thượng, Thành cũ, cột cờ, đền chấn-vũ và chùa một cột

Từ năm 1876 đến nay, nghĩa là trong khoảng gần 70 năm, Hà-nội đã thay đổi những gì ?

Ta thử nghĩ lại xem có đúng như câu truyện của Trương-vĩnh-Ký đã kể ?

Chùa Quan - Thượng ? Nay là phòng Thương-Mại,nhà Địa-ốc ! Di-tích của chùa còn trơ một cái Hòa-Phong tháp sừng sững ở ven-hồ. Mà xung quanh chùa khi xưa là nước,thì nay là đường phố,sạch-sẽ, giải dựa, lại thêm tàu điện, xe cộ đi lại như mắc cửi,có chăng còn lại câu truyền miệng :

« *Trước đền Quan Thượng, sau hồ Hoàn-Gươm* »

Đến như thành cũ thì phá bỏ gần hết ! Việc phá bỏ những thành cũ làm vào năm 1897. Công-việc này cần phải làm vì cứ theo như trong bài của Trương-vĩnh-Ký, thì còn « *một hai cung-điện cũ chỗ vua Lê ở thuở xưa, bây giờ hư tệ còn tích lại đó mà thôi* « nên cần phải phá đi cho sạch-sẽ, quang-đãng.»

Tuy thế, cũng có nhà hiếu-cổ tỏ lòng mến tiếc. Chính quan cố Toàn Quyền Doumer đã viết : « Tôi sang khí chậm, không giữ kịp những chỗ cần-thiết, nhất là những cổng thành đáng nên giữ lại. Những cổng ấy có một ý-nghĩa lớn có quan-hệ mật thiết đến lịch-sử, đáng cho ta phải kính nể. Để những cửa ấy sẽ làm cho các phố sau này đẹp thêm mà cũng không sợ ngăn trở sự xe-cộ đi lại và sự mở-mang đường-xá, cũng tỉ như cổng khải-hoàn-môn E oile ở Paris. (9)

Những cổng thì không còn mấy nhưng cột cờ cao « chót-vót » vẫn y nguyên, chỉ khác khi xưa thì treo cờ vàng mà (10) nay làm đài vô tuyến-điện.

Ông Trương-vĩnh-Ký chỉ đứng ngoài xem, nên chỉ kể lược qua về cột cờ ấy.

Cột cờ này xây từ niên hiệu Gia Long thứ 11 (1812) (11) có ba từng : tầng dưới nhớn nhất đo được 42 thước một góc, tầng thứ ba bé nhất 15 thước.

Ở tầng thứ hai, trừ một cửa, trên biển ngạch còn ghi chữ tên ba cửa kia :

Cửa phía đông là *Nghênh húc* (đón vầng mặt giời buổi sớm).

Cửa phía nam là *Hướng Minh* (hướng về sáng sủa).

Cửa phia tây là *Hồi quang* (quay về ánh sáng).

Trên tầng thứ ba có một cái cột cao xây lục lăng, có hai thang xoáy ốc đi riêng lên từng thượng, nhưng nay chỉ còn dùng được một thang, trên biển ngạch có đề hai chữ : « *kỳ đài* » (cột cờ)

Nhà kính-thiên có « *cột lớn tròt ôm* », rỡ đi năm 1886. Nay cũng không còn gì Trên nền nhà ấy htện giờ là sở Pháo-Thủ (Direction de l'artillerie) nhưng còn lại các bực đá thanh có bao lơn rồng đá chạy mà theo nhà khảo cổ, thì đó là từ đời nhà Lý (12) và nghe đâu Trường Viễn-đông Bác-cổ có ghi vào sổ bảo tồn.

Đến như chùa Một cột và đền Trấn-võ quang cảnh ấy khác xưa nhiều lắm ! Vì hiện nay hai nơi ấy đã được tu sửa lại và trông nom đến luôn.

Khách du-quan ngày nay, nếu lại đóng vai như nhà học-giả họ Trương ra Bắc, rồi chiếu bản đồ Hà-nội cũ mà thăm lại các nơi ấy, sẽ phải ngạc-nhiên vì thấy một quang-cảnh đẹp-đẽ, mới lạ, không còn như lúc cách đây hàng 60, 70 năm, chắc cũng ngậm-ngùi như cụ Nguyễn Du mà hoài-cổ bằng câu :

Thiên niên cựu quách thành quan đạo,
Nhất phiến tân thành một cố cung.

TIỀN-ĐÀM

(8) Voyage au Tonking en 1876 p. 7-9.

(9) Doumer, l'Indochine Française 1905 p. 123.

(10) Thư viện trường viễn đông bác cổ A 81, folio 3

(11) Thư-viện trường Bac-cổ, A. 81 folio 2

(12) Theo ông Maspero Nhưng nếu đem so xánh với những rồng đá ở lang Thiêu Thụ (Gia-Long) ở Huế thì ta ngờ rằng không phải từ đời Lý mà ở đầu thế kỷ thứ XIX vậy.

GÓP VUI

«Tiền» hay «hậu»

ANH đồ Giáp thường vẫn phiền về chị vợ thất học từ năm lên một, nhiều khi anh tự cho là thất thể-diện với bạn đồng-môn.

Một hôm, đi đâu về, đồ Giáp bảo vợ :

— Này u mày xem : Bác Ất gái thế mà hay chữ đáo để !

Chị Giáp quắc mắt :

— Thế nào mà thầy nó bảo là hay chữ ?

— Tôi vừa sang hỏi mượn bộ sách Hán. Bác giai đi vắng. Bác Ất gái biết hỏi rằng : Bác mượn « Hán Tiền » hay « Hán Hậu ».

Ghị Giáp nguýt dài :

— Tưởng thế nào ! chứ « tiền hậu » thì gái này nói cũng được.

Mấy hôm sau, anh Giáp đi vắng. Một anh đồ khác sang nhà hỏi mượn cái dùi về đóng sách, Chị Giáp thích quá mỉm nụ cười tươi-tỉnh đon đả hỏi :

— Thưa bác, dùi « tiền » hay dùi « hậu » ạ ?

— ? ? ?

KHÓA-HÓC thuật

TỪ VIỆC ĐẮM TÀU ĐẾN VIỆC ĐẶT ĐẠI

CHO việc Hoa-kỳ quyết-định giúp Anh về quân-nhu khí-giới là phạm đến quyền-lợi mình, Đức đã lên tiếng đe-dọa.

Thì nay, nhời dọa-rạt của Đức đã thành sự thực. Ngày 21 tháng 5 vừa qua, chiếc tầu buôn «ROBIN MOORE» của Mỹ đã bị Đức đánh chìm trên biển Đại-Tây.

Lúc đó vào khoảng 6 giờ sáng. Chiếc «ROBIN MOORE» đang rẽ sóng đi về phía Nam-Phi-Châu (Capetown), bỗng đằng xa hiện ra một chiếc tầu ngầm, không rõ của nước nào, phát-biệu bằng ánh đèn hạ lệnh bắt dừng lại để khám xét giấy má. Một chiếc xuồng của tàu «Robin Moore», sau khi vượt hai cây số, áp vào mạn tàu ngầm. Viên hạm-trưởng chiếc tầu bí-mật hội đàm với thuyền trưởng tầu «Robin Moore» ước chừng mười phút, sau đó, hạn cho các thủy-thủ và hành-khách trong 20 phút phải sửa-soạn rời tàu để tiện việc hành-động.

Khi mọi người đã «trút» hết xuống các suồng, một quả ngư-lôi phóng ra : tiếng nổ vang giời, kết liễu đời con «cá kình bằng sắt» đã bao phen tung-hoành rỡn sóng !

Làm xong công việc phá-hoại, chiếc tàu ngầm lẳng-lặng bỏ đi, phó mặc các thuyền chật ních nạn-nhân cho làn nước dào-dạt !

Tấn thảm kịch trên biển khơi đến đây hạ màn.

Luồng sóng điện báo tin tàu ROBIN MOORE gặp nạn phát ra làm trấn-động dư luận !

Mặc dầu chính Phủ Mỹ bình-tĩnh đợi tờ trình của viên lãnh-sự ở Pernambouc để dủ tài-liệu ngỏ nhời kháng-nghị, dư luận quần-chúng bên Hoa kỳ rất sôi-nổi vì cho rằng Đức đã hành-động một cách «ngược đời».

Tàu «Robin Moore» bị đánh ngoài khu-vực chiến-tranh. Trên tàu chỉ có toàn những hành-khách mà trong số đó có nhiều đàn bà trẻ con, chứ tuyệt nhiên không chở một thứ gì có thể gọi là đạn-dược khí-giới.

Không những thế thôi, chiếc tàu ngầm mà ai cũng đoán là tàu Đức ấy, sau khi phóng ngư lôi phá tàu «Robin Moore, đã bỏ mặc các nạn-nhân lênh-đênh trên những chiếc suồng mỏng-mảnh ! Thật là một hành-động không chút nhân-đạo và trái hẳn với quốc-tế công pháp!

Dư-luận Mỹ, đối với việc này, rất phẫn-khích. Nhiều người Mỹ đã nói đến việc yêu-cầu Chính-phủ hạ lệnh cho phi cơ tuần-tiễu đánh phá hết các «tàu ô» và đem đại-bác lắp cho các thương-thuyền để phòng bất trắc.

Nếu, một ngày kia, thực-hành phương pháp để phòng tàu ngầm bằng cách cho tàu buôn tự-vệ, thì phương pháp đó liệu có thể đem lại những kết-quả mỹ-mãn không ?

Có lẽ kết-quả không lấy gì làm tốt đẹp cho lắm, vì nhiều cớ:

Vấn-đề đặt khí-giới trên tàu buôn từ trước đến nay bao giờ cũng là một vấn-đề khó giải-quyết Không phải là chiếc tàu buôn nào cũng có thể lắp được đại-bác.

Điều thứ nhất, các tàu buôn vốn dĩ chỉ để chở hàng-hóa hành khách nên không ai nghĩ đến việc bọc boong tàu bằng thép dày. Bởi thế, nên muốn đặt súng, các boong tàu thủy cần phải độn thêm để chịu nổi sức rung truyền khi súng nổ (déflagration). Nếu thép mỏng quá thì có thể cong lên hoặc rách ra.

Điều thứ nhì là vấn-đề đạn dược. Các súng đại-bác ít ra mỗi khẩu phải có độ một trăm viên đạn. Những đạn đó phải có hầm chứa riêng (soute), chứ không thể để phơi ra được. Nếu, trong khi giao chiến, chẳng may một viên đạn của bên địch chui qua được tượt boong mỏng của tàu buôn phá vào buồng đạn, thì cái nạn nổ tàu chết người sẽ không thể tránh được.

Cho dầu Mỹ có thể lắp đại-bác, chứa đạn-dược một cách chu đáo, thì liệu những đại-bác ấy có đủ sức để giao chiến với tàu ngầm Đức không ? Các đại-bác của tàu buôn nòng

"ROBIN MOORE" BÁC TRÊN TÀU BUÔN

không thể quá được 150 li vì những lẽ kể trên, nên đọ với tàu ngầm cũng chỉ ngang nhau chứ khó lòng hơn được. Vả lại, các tàu buôn chỉ có thể mang nhiều lắm là hai khẩu là cùng. Hồi Âu-chiến 1914-1918, các súng lắp vào tàu buôn phần nhiều là hạng 37 li, 75 li, và to lắm là 120 li.

Khi giáp chiến, tàu ngầm sẽ dùng một chiến thuật riêng.

Tàu sẽ đi lập lờ trên mặt nước, boong ngập xuống độ hai, ba mươi phân (en demi-plongée). Như thế, súng đại-pác của tầu ngầm vẫn hoạt-động được và, nếu núng thế, tàu ngầm có thể lặn trốn rất nhanh. Trông xa, tàu ngầm sẽ là một cái đích khó ngắm : một vệt đen trên làn sóng nhấp-nhô. Trái lại, tàu buôn vì to quá, nên là cái một đích rất dễ bắn trúng. Vỏ tôn của tàu buôn sẽ bị phá thủng một cách dễ-dàng bởi các trái phá 150 li bắn xa ba mươi cây số.

Trong cuộc gặp gỡ giữa một chiếc tàu buôn có khí-giới và một chiếc tàu ngầm, phần thắng-lợi thường về tàu ngầm. Vì ngoài đại bác ra, tàu ngầm lại có nhiều ống phóng ngư-lôi rất lợi hại. Phần vì không có máy nghe (détecteurs) tinh-xảo giống các máy lắp trên những khu-trục-hạm ; phần vì to lớn nặng nề, khó tiến thoái : phần vì vỏ mỏng, các tầu buôn không hòng «ăn miếng trả miếng» khi gặp tàu ngầm đón đánh.

Tránh nạn tau ngầm, chỉ có cách sơn trá hình tàu buôn (camoufler) để cho tàu ngầm không thể ngắm rõ mà đánh bằng ngư-lôi được.

Muốn đánh một chiếc tàu buôn ? Bao giờ cũng phải biết tàu buôn ấy định đi về phương nào, tàu ngầm bấy giờ mới phóng ngư lôi đón đầu.

Nay đem sơn đi và để lệch ống khói cột buồm, tàu ngầm sẽ không rõ tàu buôn đứng hay đi, lùi hay tiến mà đánh phá được.

Không những cần phải trá hình tàu buôn, mà lại cần phải cho tàu buôn những máy nghe để tìm quân địch và những súng bắn lựu-đạn (lance-grenade) để khu-trừ tàu ngầm

Lựu đạn đây là những quả lựu-đạn diệt tàu ngầm (grenade anti sous marine) to bằng chiếc thủng dầu hỏa và chứa độ 50 cân thuốc nổ. Một khi trong máy nghe (détecteur) có một tiếng «chân vịt», thì lập tức tàu buôn sẽ lượn vòng quanh chỗ có tiếng động khả nghi mà thả lựu-đạn xuống. Lựu đạn giống như những bom nổ chậm, có máy khiến cho muốn nổ ở chỗ sâu, nông bao nhiêu cũng được.

Trúng một quả lựu-đạn có sức phá-hoại ghê-gớm, tàu ngầm sẽ bị chìm ngay và nếu gần chỗ lựu-đạn nổ, vỏ tàu sẽ bẹp, ống viễn-kính sẽ vỡ, đèn điện sẽ tắt và tàu sẽ bị thiệt-hại.

Trá hình các tàu buôn, lắp máy nghe và máy ném lựu-đạn vào những tàu đó, hai cách này có lẽ rất tiện lợi trong công-cuộc diệt tàu ngầm.

Nhưng, có lợi cũng có hại : Nếu một vài chiếc tàu ngầm bị tàu buôn phá hủy, những chiếc khác sẽ dùng cách tàn-nhẫn đối phó lại. Ta sẽ thấy những chuyện «phóng ngư-lôi không báo trước» (torpillage sans avertissement) khiến cho các hành-khách vô-tội không có thì giờ mà xuống suồng ; và nếu cuộc chiến-tranh còn kéo dài thì dưới đáy bể sâu sẽ còn nhiều nắm xương tàu chìm ngập !

NGUYỄN HUYỀN TĨNH

Bông thuốc

«BEAUTY D'OR»

CHỮA BỆNH HÔI NÁCH

▼

Hôi nách là một bệnh làm cho các bạn lúc nào cũng bực mình về sự không được vệ-sinh.

Chúng tôi mới chế theo lối hóa-học thứ thuốc này, khi nào thấy hôi ở nách xông ra thì lấy bông « BEAUTY D'OR » tẩm vào nước cho ướt rồi lau vào nách, các bạn sẽ thấy sức mạnh ấy biến hết, nếu bạn nào mới mắc, chỉ dùng 1 gói là khỏi hẳn.

Bông « BEAUTY D'OR » một gói dùng được 10 lần, giá 0p.50.

BÁN TẠI HIỆU

VĨNH-TÂN

25, Phố Hàng Trống — Hanoi

Phan-thanh Giản

Tiếp theo trang 8

gì, thế mà cả nước không có lấy một người được hạng *ưu* thì há chẳng đáng buồn sao! Coi kỹ lại tên những vị tân khoa, Ngài lại thấy từ Thừa-thiên trở vào chẳng có một người nào cả. Ngài bèn dạy lấy thêm một vài người về miền ấy để cổ-lệ sĩ-phong. Nhờ vậy mà Phan-thanh-Giản, người thứ nhứt ở Nam kỳ, được tên đề bảng vàng bia đá.

Đo, kết quả kỳ thi hội đó là vậy, và chắc vì vậy mà ba ông học giỏi tỉnh Thanh mới có câu đối tỏ ý oan-thán :

Gia-định thành la xứ hưng vương, dở cho lắm cũng còn đậu một!

Thanh-hóa tỉnh la nơi khải thánh, giỏi mà chi rớt cả vừa ba!

Đến khi điện-thí, cụ Phan lại từ hạng mười vượt lên hạng ba mà lãnh giải nhứt trong các vị đệ tam-giap đồng tấn-sĩ xuất thân (1).

Tuy nhiên, nói khoa ấy đỗ 11 người, ông Đỗ-Trầm cũng có chỗ chống-chế được. Dẫu ông không nói, tôi cũng dám chắc như năm với năm là mười : ông rút trong « PHAN-THANH-GIẢNG *truyện* » của ông Thái-hữu-Võ. Tôi cũng quyết chắc là ông Thái theo lời ông Phan-Hương, con thứ hai của cụ Lương-Khê. Mà ông Hương nói vậy là do một bài biểu của cha.

Lúc được bổ làm Tham-hiệp trấn Quảng-bình, cụ Phan có dâng biểu tạ ơn, trong có câu :

«Thất niên Bính-tuất hội-thi «khoa, bạt thần ư nhị bách nhơn «chi trung, trí thần ư thập nhứt nhân chi liệt. Điện-thi hựu mông tứ thần dự đệ-tam-giáp.. »

Mà tại sao *«thập nhứt nhơn»*? Chắc là *«nhứt thập»* để đối với *«nhị bách»* và để đủ tám chữ như vế trên, nhưng vì lu sai ma làm cho người ta lầm.

II Kim-đài thi-tập. — Cụ Huỳnh bảo rằng, lúc đi sứ, cụ Phan có tập *«Bắc-sứ thi-thoại»* (theo bản *«Lương-Khê di-thảo»* của Tùng-thiện-vương Thương-sơn-công), chứ không nhận có *«Kim-đài thi-tập»* và hỏi ông Đỗ-Trầm nói có sách chép thì là sách nào?

Tôi xin thay ông Đỗ-Trầm mà thưa với cụ Huỳnh : Sách đó là « Phan-thanh-Giảng *truyện*» và chép ở trang 9 cũng *như câu «Khán liễu bất giác han (hãn) xuất triêm thân»* của Lao-sùng-Quan chép ở trang 19.

Có điều nên nói rõ là tuy ông Thái viết *«Kiêm đài»* song có in cả chữ hán, (chữ Kim là vàng), mà ông Đỗ cũng cứ chép y chữ « Kiêm » có « *ê* ».

«Kim-đài-thảo» là quyển thứ 12 trong *«Lương-Khê thi thảo»*, chép trên *120 bài* lúc đi sứ sang Tàu.

Bộ *«Lương-Khê»* chia làm *«Lương-Khê thi-thảo»* 18 quyển, *«Lương-Khê văn-thảo»* 3 quyển, *«Thi-thảo bổ-di»* 1 quyển, và *«Văn-thảo bổ-di»* 1 quyển. Bộ sách này do ba người con cụ Phan là Phan-Hương, Phan Liêm và Phan-Tôn khảo-hiệu, (*Văn-thủy-cư tàng-bản, khắc năm Bính-tí, Tự-Đức 29, 1876*), có cả bài tựa của Tùng-thiện-vương Thương-sơn-công viết ngày 12 tháng chạp năm Đinh-Mão (Tự-Đức 20, 1867).

Tuy vậy, ta chớ nên qui tội cho ông Đốc-phủ Thái-hữu-Võ, vì ông ta không có nói rằng trong *«Lương-Khê thi-văn tập»* có thơ nôm bao giờ. Trong bộ này chỉ toàn là thơ chữ Hán. Còn các bài thơ nôm của cụ Lương-Khê thì hoặc ở trong tập riêng, hoặc do truyền khẩu.

◆

Trong báo Nghệ-Thuật số 2, trang 9, lại có mấy chữ Hán và chua là tự-tích của cụ Phan-thanh-Giản chụp trong một bản chuyện chữ Hán chính tay cụ viết và ký tên.

Tiếc sao không chua kỹ là trong sách nào.

Mấy chữ ấy tôi thấy lần đầu trong *«Văn-học tạp-chí»* của ông Dương-Tự-Quán. Tôi nhờ anh Hoa-Bằng Hoàng-thúc-Trâm hỏi giùm. Ông Dương đã vui lòng cho mượn mẫu chữ đúc chì và nói chỉ nhớ là trong quyển sách của ông Nguyễn-tường-Tam cất giữ.

Anh Tiên-Đàm Nguyễn tường-Phượng bảo mấy chữ đó là ở dưới một bài chương-văn của cụ Lương-Khê.

Tôi có viết thơ hỏi ông Tam. Ông này trả lời rằng ông quên là ở trong sách nào, kiếm mãi không được và cho phép tôi dùng những chữ ấy trong tạp chí « *Văn Học* ».

Thế là quanh-quanh quẩn quẩn tới nay tôi cũng chưa rõ mấy chữ tự-tích của cụ Phan đo ở trong sách nào.

Tôi còn chỉ biết trông vào lòng tốt của bạn đọc, trông vào sự chỉ bảo của ông Đỗ-Trầm.

LÊ-THỌ-XUÂN

(1) Theo Thực-Lục đệ nhị kỷ, quyển 38 trang 1a và 26a.

GIÁ BÁO

1 năm 5p 50 Nửa năm 2p 80
3 tháng 1p 50 Mỗi số 0p 12

Công sở và ngoại-quốc gấp đôi

Thư và ngân-phiếu gửi cho ông Nguyễn-tường-Phượng 349, phố Huế Hanoi

TIN VẮN HÀNG TUẦN

Đông-Dương

Giáo-sư Ota được Chính-Phủ Nhật cử sang Đông-dương để liên-lạc văn-hóa Pháp-Nhật.

Một Hội-đồng đã thành-lập để nghiên-cứu các phương-pháp ngăn-ngừa ngọn lửa đốt rừng.

Lễ tuyên-thệ cựu chiến-binh đã cử-hành tại Hanoi sáng 15 juin 1941.

Một cuộc vui cho trẻ em đã mở tại hội Khai-Trí do bạn đồng-nghiệp Thanh-Nghị tổ-chức (15 juin 1941.) Anh em hướng-đạo và nam nữ học-sinh diễn ca-kịch đã tỏ ra tiến được bước dài.

Quốc-tế

Trong tháng mai 1941, Hoa kỳ đã sản xuất được 1334 tầu bay.

Trước, Nhật Nga đã ký một thương ước về việc đánh cá. Nay lại vừa ký một thương-ước về việc giao dịch hàng hóa.

Một chiếc tầu trở dầu của Pháp tên là Calberta bị tầu ngầm Anh bắn trúng trong Địa-Trung-Hải chỉ hư hỏng, không đắm, 7 thuỷ thủ chết.

72 tầu bay nhật, chia làm 3 đội, ném bom xuống Trùng Khánh.

Kiều dân Nhật ở Batavia, kinh-thành Nam-Dương quần-đảo, định bỏ về nước, sau khi cuộc điều-đình hai nước không thành.

Nhà văn-sĩ Pháp Guy de Pour, tales mới mệnh-chung tại Thụy sĩ-thọ 57 tuổi.

Thể lệ chung cho các cổ động viên
Tri - Tân Tạp - Chí

Xin giả nhời chung cho các bạn đã gửi giấy về hỏi thể lệ về việc bản báo cần mỗi nơi một cổ động-viên (đã đăng ở trang 14, kỳ báo số 3).

Các bạn (trừ các bạn đã quen biết và do các nhân viên tòa báo giới thiệu không kể) ai muốn làm cổ động viên cần phải : gửi 2 cái ảnh 4x6 chụp nửa người và ký quỹ một số tiền nhiều ít tùy theo chỗ cổ động to hay nhỏ.

Các bạn giúp việc cổ động T. T. T. C. có thể thu tiền của các vị mua báo giải hạn ; mỗi khi thu tiền, các bạn giao cho vị ấy tờ biên lai tạm (reçu provisoire), rồi gửi số tiền đó về (sau khi trừ hoa hồng 20%. và phí tổn về Mandat) cho nhà báo cùng với tên vị mua báo, nhà báo tiếp được sẽ gửi thẳng đến người mua bao tờ biên lai nhất định (définitif), để hủy tờ biên lai tạm kia đi.

Ban Trị-sự

195, phố hàng Bông Hanoi

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiện Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p 50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p 50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được, mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p 20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường. thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giây thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và *đại-lý các nơi*

Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẦM-LANG để phòng thân và trị bệnh

Số 2

PHÁC SƠ VỀ

MẸO TIẾNG TA

(*Dạng - bản văn - pháp*)

ĐÀO DUY ANH

Cỗi rễ tiếng việt

CỖI rễ ngôn - ngữ có mật-thiết với cỗi-rễ của chủng-tộc. Theo các nhà khảo-cổ ở viện Viễn-đông bác-cổ, thì giống Việt-Nam là kết quả của giống Anh-đô-nê-diêng tự Ấn-độ sang chiếm-cứ một phần bán đảo Ấn-độ Chi-na ở đời Thượng-cổ, hỗn chủng với giống Mông-cổ ở Trung - quốc tràn xuống vào thế-kỷ thứ hai trước Tây-lịch. Giống người lai ấy là tổ-tiên của người Việt-Nam, nói một thứ tiếng mà hiện nay một phần trọng-yếu còn lại trong tiếng nói của người Mường, vì giống người này cùng tổ với người Việt-Nam mà đã vì điều-kiện sinh hoạt ở thượng-du làm chậm-trễ sự tiến-bộ, trong khi văn-hóa và ngôn-ngữ của người Việt-Nam vì điều - kiện thuận tiện hơn, chịu ảnh-hưởng rất sâu xa của Tàu.

Hiện nay, trong tiếng mường còn có nhiều tiếng tương-tự với tiếng việt, mà ta có thể đoán là hình-thức tối cổ của những tiếng việt tương-đương.

Ví dụ :

Tiếng mường	Tiếng việt
bố	*bố,*
mế, cáy	*mẹ, cái (1)*
eeng	*eng, iêng, anh*
ủn	*em*
cáo, cạo	*cấu, gạo*
ơn	*lợn*
cà	*kha, gà*
nác	*nác, nước*
oóng nác	*uống nước*
mọch	*một*
hăl	*han, hai*
bốn	*bốn*
chỉn	*chin*
mươi	*mươi, mười*
klăm	*trăm*
tlốn	*trốn (2)*
bắt	*pát*
bát	*vắt*

Ta có thể chắc rằng tiếng việt xưa không xa mấy với tiếng mường ngày nay. Thứ tiếng gốc ấy, về sau, thâu nhập thêm những tiếng của các chủng-tộc láng - diềng, như người Trung-Hoa, người Chàm, người Môn-Khmer, người Thái, mà thành tiếng việt vào khoảng trước khi dân tộc Việt-nam độc-lập.

Sau này là ít nhiều thí-dụ về những tiếng mượn như thế,

1· Tiếng mượn của tiếng tàu xưa :

Tiếng việt	Tiếng tàu
suối	水
chợ	市
hiền lành	賢良
cô nàng	姑娘
chào	朝
xe	車
chú	叔
bác	伯
chàng	丈

2. Tiếng do tiếng tầu truyền thành :

Tiêng tầu	Tiếng việt
抽 *poú o*	*bỏ, vãi, vầy*
易 *i*	*dễ, dề (khinh) rẻ (đắt rẻ)*

3. Tiếng mượn ở chữ hán đọc theo giọng hán-việt mà theo nguyên nghĩa :

Tiếng việt	Chữ hán
hình dạng	形樣
hình dung	形容
đại khái	大概
nhân đức	人德
tính hạnh	性行
thân nhân	親仁

4· Tiếng mượn ở chữ hán đọc theo giọng hán việt mà khác nguyên nghĩa :

Tiếng việt	Chữ hán
lịch sự	歷事
văn tự	文字

ĐÀO DUY ANH

sẽ tiếp

(1) So với Bố-cái đại-vương.

(2) Trích lại ở bài *Considérations générales sur la langue annamite* của Lê-Thành-Ý đăng ở Bulletin général de l'Instruction publique n° 10 Juil., Aout 1940.

Mới xuất bản

L'Anglais au Baccalauréat et l'Anglais de Hongkong

của

LÊ-CÔNG-ĐẮC

(Một bộ gồm có 2 quyển)
mỗi quyển giá 0$65
Bán tại các hiệu sách lớn và ở nhà soạn - giả
16 ter, Route de Sinh-Từ,—Hanoi

ĐỌC

"SAU CƠN GIÔNG TỐ" (1)

ĐÂY là một cuốn tiểu-thuyết đầy những vô-lý, những lố-bịch. Tác-giả muốn cho câu chuyện có vẻ ly-kỳ, nên cố bịa-đặt ra lắm cái « oái-oăm » : nhưng chính những cái oái-oăm ấy đã làm « tiêu » giá-trị cuốn sách !

Các ngài thử tưởng-tượng một cậu bé mồ côi cha mẹ, ở với vợ chồng ông bác : ông bác hiền lành, nhưng bà bác rất ác-nghiệt. Tuy vậy, cậu cũng được ăn học cho đến ngày đỗ được cái bằng « cao-đẳng tiểu-học », tức là ngày sắp-sửa « kiếm xu » được rồi. Đến đó, bà bác thốt nhiên đốt hết sách vở cậu, xé quần áo cậu, tống cậu ra khỏi nhà, trong khi ông bác chạy theo rúi cho hai đồng bạc. Thế là cậu bỏ làng ra Hà nội.

Theo đúng tâm-lý người đời, dù bà bác ấy ác đến đâu, nhưng thấy cậu « cháu » sắp-sửa kiếm được tiền, tất cũng thay đổi « chiến-lược » ngay mà chiều « cháu », lấy lòng « cháu », để « cháu » đi làm đem tiền lương về cho « bác », rồi « bác » sẽ gây dựng vợ con cho : thế là vừa được « tiếng », vừa được « quyền », lại được « tiền » nữa. Nhưng nếu bà bác của Quang mà lại có cái tâm-lý thông-thường ấy thì làm gì còn có « cơn giông-tố » cho tác-giả viết thành tiểu-thuyết nữa ?

Quang lưu-lạc ở Hanoi hơn mười ngày, thì được một người đem về nuôi để dậy học hai con : Nhờ người ấy, chàng lại được việc làm trong một hãng buôn. Chàng làm luôn đấy bốn năm, để một ngày kia, vì đau mắt nặng, vì bị chủ mắng, phải xin thôi. Xin thôi được hai tuần lễ thì khỏi mắt, nhưng thất-nghiệp lại hoàn thất nghiệp. Chỗ này, tác giả quên phắt cái bằng C. Đ. T. H., cái « cần câu cơm » của Quang. Tâm-lý thông-thường của mỗi cậu mới cướp được mảnh bằng ấy là cố cầy cục thi-cử để lấy một chỗ ngồi chắc chắn trong công-sở. Nhưng nếu Quang cũng có cái tâm lý ấy, thì làm gì còn có « cơn giông-tố » cho tác-giả viết sách nữa ?

Vì Quang thất-nghiệp, nên Hải — cô con gái của ân-nhân chàng — mới giới thiệu chàng đến dậy học trong một trường tư nhỏ mà bà đốc lại là chị họ của Hải. Bà đốc *tuổi gần bốn mươi* và *mới góa chồng được độ vài tháng*.

Xin độc-giả nhớ hộ hai điều ấy, khi các ngài đọc đến mấy câu này : «... *chàng ngồi xuống divan : bà cũng ngồi liền bên cạnh, gần sát với chàng, và chàng chưa kịp nói gì thì bà đã nắm chặt lấy hai tay chàng, âu-yếm nói với một giọng run run : — Tôi đã nói thế mà cậu vẫn chưa hiểu ý tôi, vẫn nỡ không yêu tôi ! Tội nghiệp cho tôi quá ! Xin cậu xét rõ lòng tôi... Rồi bà ôm choàng lấy Quang, đặt một cái hôn nồng nàn lên môi chàng ..*» (*tr.* 28)

Trời đất ơi ! cái «sen» này, tác-giả đã cho nó xẩy ra mới một tháng sau khi Quang đến dậy học ở trường ấy : nó là kết quả một tháng trời dụng-công xếp đặt của bà đốc.

Dù bà đốc ấy còn xuân trẻ, hay góa chồng được vài năm rồi mà khao-khát ái-tình thì cũng phải biểu-lộ cái thứ ái-tình nọ một cách kín-đáo. Chứ đâu lại có người bốn mươi tuổi và chồng mới chết được vài

(1) của Vũ-Quân, Đời Mới Hanoi xuất-bản.

CÁC BẠN MUỐN HỌC CHỮ HÁN

nên mua cho được

HÁN VĂN TÂN GIÁO KHOA THƯ

書科教新文漢

(Méthode moderne d'Enseignement des Caractères chinois)

soạn giả : Lê - Thước

Giải - Nguyên, giáo-sư trường cao-đẳng tiểu-học

Sách học chữ nho rất tốt, học hết bộ này có thể bút - đàm với người Tầu và người Nhật được

Mỗi bộ gồm 5 quyển giá cả bộ 1p.60. Cước 0p.38

Để cho hiệu sách Đông-Tây, 195 phố hàng Bông Hanoi

Các bạn mua báo giài hạn, nhận được số này, xin gửi tiền về giả cho để tiện việc sổ sách, (nếu không tiện mua mandat xin gửi giả bằng tem cũng được)

tháng đã có cái cử-chỉ của con quỷ dâm-dục như thế ? Mà với ai ? Với Quang, một thanh niên hai mươi tuổi đầu ! Với ai ? Với một người do em họ mình đưa đến giới-thiệu ! Tôi không hiểu cái óc tưởng-tượng của ông Vũ-Quân lớn đến thế nào mà ông dám hạ bút viết những trang quá vô-lý ấy ?

Nhưng, thưa các ngài, chuyện bà đốc chưa hết. Lần đầu thất-bại, bà chưa chịu thua, còn «tổng-công-kích» một lần nữa. Lần này bà bố-trí chiến-lược một cách công-phu lắm, khiến cho lúc Quang cự-tuyệt, bà liền kêu cứu ầm-ỹ, để hàng phố đổ xô đến xem, rồi bà công nhiên vu cho chàng toan hãm hiếp bà và sỉ mắng chàng thậm-tệ (!) Hôm sau, một tờ nhật-báo đăng ngay chuyện này và cũng đổ hết tội lỗi đều-giả lên đầu chàng !

Ông Vũ-Quân ơi ! Cái vô-lý của ông đến đây thật là tột-bực ! Dù có con quỷ dâm-dục như bà đốc ấy, nhưng Quang há phải là người đàn ông độc-nhất ở đời ? Với Quang, nếu bà không mãn-nguyện, bà cứ việc mời chàng ra khỏi trường, cần chi phải diễn tấn kịch kia rất có hại đến kế sinh-nhai : cái trường của bà ! Rồi bà sẽ yết bảng mô hiền, hay mộ «phu» cũng thế : thế nào bà chẳng gặp người vừa ý ?

Rõ kheo ỡm ờ ! Nếu không có người như bà đốc ấy, thì làm gì còn có «cơn giông-tố» để tác-giả viết thành sách !

Những chuyện vừa xảy khiến Quang xấu-hổ, nhất-định bỏ Hà-nội ra đi. Nhưng có một người không muốn chàng đi : ấy là Hải !

Xin các ngài hãy nghe cô con gái ông thợ đúc « tuyên-bố ái-tình » : « ...Vì... *em xin thú thật, vì em đã .. yêu anh !* ». Không ngượng nghịu, không lúng túng, không xấu-hổ. . . . . .

Tuy vậy, Quang cũng ra đi. Được ít lâu, ông bố cô Hải « *trong khi làm việc bỗng phải cảm, ngã* chúi vào cửa lò đúc, bị cháy xém cả tóc và mặt, *chết ngay lập tức* ! ». Phải, ông bố có chết và chết ghê-gớm như vậy, thì gia-đình Hải mới thật gặp « cơn giông-tố » chư !

Hải đi..., đi làm phu-hồ, rồi, một ngày kia, gặp Hoàn, bạn cũ của Quang. Hoàn tìm việc làm khác cho Hải, nhàn-hạ hơn. Từ đó, Hoàn hằng ngày đến chơi nhà mẹ con Hải, và bắt đầu một cuộc tấn-công « *có cách-thức, có khoa-học, có kinh-nghiệm* ».

Sau khi đã gây được cảm-tình, lấy được lòng thân yêu của mẹ con Hải, một tối kia, chàng yêu-cầu Hải đến nhà chàng để tiếp chuyện một người chị của chàng ở nhà quê ra chơi. A-ha ! Một người chị ở nhà quê ra mà Hoàn không biết tiếp đãi ra sao, phải nhờ đến Hải ! Thế mà Hải tin đấy, mẹ Hải cũng cho con đi đấy !

Đến nhà Hoàn : một mâm cơm chờ kia ! Nhưng từ bấy giờ tối đến mười một giờ khuya vẫn không thấy bà chị đâu sất ! Khi đó hai người mới ngồi vào ăn, mà Hải tuyệt-nhiên không nghi-ngờ gì hết. Ăn xong, mười hai giờ, nàng đứng dậy toan về, thì Hoàn mới dở thủ-đoạn tán-tỉnh, rồi định ôm lấy nàng. Giữa lúc ấy, bà mẹ đẩy cửa vào, giải vây cho cô con gái !

Hỡi các độc-giả yêu-quý của tôi ! Ông Vũ-Quân không viết tiểu-thuyết đâu : ông đóng kịch đấy ! Hoàn chính là ông ta đấy ! Ông dàn cảnh công-phu lắm ! Cái gì của ông nghĩ ra cũng phải ly-kỳ đặc-biệt ! Có thế nó mới có vẻ « giông tố » chư !

Bây giờ, Hải đi bán cau. Một hôm, ngay chỗ nàng ngồi, ô-tô húc vào một chiếc xe bò ; xe bò xô phải nàng, làm cho nàng gẫy tay. Vào nhà thương, nàng phải cưa hẳn cánh tay trái. Từ lúc bị nạn, nàng mê-man bất tỉnh, và cứ mê-man như thế trong mười hôm ! Ở nhà, bà mẹ cho rằng con gái đã đi biệt tích ! Nhưng có một người biết rõ và vẫn vào nhà thương thăm nom nàng, trong mười ngày nàng mê man bất tỉnh : người ấy là Đạt, một người bạn rất tốt của Quang. Sở dĩ Đạt biết là vì một cái tin đăng trong báo ! Ôi ! toàn những chuyện vô lý !

Thế là Hải trở nên tàn-tật !

Thống-chế PÉTAIN đã nói :

« Mọi người chúng ta hãy tận-tâm mà làm trọn bổn-phận ; sự cứu-vãn nước Pháp, mà những mối « chia-rẽ giữa chúng ta có « thể làm cho ngụy-hại, sẽ là phần « thưởng cho sự đoàn-kết của « chúng ta ».

Nhưng « cơn giông-tố » sắp hết rồi. Quang đã trở về ! « .. *Người ấy đội một cái mũ trắng bẩn, mặc cái áo tây vàng đã rách với cái quần ta cháo lòng vá vài chỗ to bằng bàn tay và đi đôi giầy vải trắng đã nát, méo và sờn cả cạnh.* .»

Thưa các ngài, người ấy là Quang đấy ! Sau mấy năm ra đi, bây giờ Quang đã có cái vốn hai ba vạn bạc. Chàng ăn mặc lam-lũ như thế về tìm Hải, để thử lòng thục nữ ! Biết rằng Hải vẫn yêu chàng, mấy ngày sau, chàng trở lại với chiếc xe hòm bóng nhoáng ; đấy là ngày ăn hỏi của đôi vợ chồng sắp cưới Quang và Hải.

Thật đúng như câu chuyện cổ-tích : trai anh - hùng, gái thiền-quyên, trải bao cơn bĩ cực mới đến tuần thái-lai !

◆

Tôi không hiểu sao ông Vũ-Quân dám can đảm đem trình bày độc giả một cuốn sách hỏng về đủ mọi phương diện như quyển « Sau cơn giông-tố ». Trong cuốn sách hơn một trăm trang ấy, mỗi trang là một chuyện vô-lý.

Nếu có phải rộng lượng mà khuyến - khích những «thiên-tài chớm nở», thì tôi tưởng với những « thiên-tài » như tác-giả «Sau cơn giông-tố », rất không nên khuyến-khích làm chi.

Thấy cuốn tiểu-thuyết « không đáng đọc » ấy in trên thứ giấy bản tốt với một cái bìa rất mỹ-thuật, tôi chợt nhớ đến một hạng — tôi nói : một hạng — gái tân-thời, chỉ lòe loẹt có bộ cánh, nhưng đầu óc rỗng tuếch, gan ruột thối nhơ !

NHÂN-NGHĨA

TIỂU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU THIÊN viết

SỐ 3

«SAU đây bản-quan nói rõ ý-nghĩa ba cái hình-nhân. Hai cái hình đàn-ông hai bên là chỉ Kiệt, Trụ, hai vị vua hung-dữ tàn dân hại vật, làm mất nhà Hạ và nhà Thương. Còn tên đàn bà ở giữa là Dương-quý-Phi, con dâm phụ lấy nhan sắc mê hoặc Đường minh-Hoàng, tư thông với An-Lộc-Sơn, gây ra cuộc binh đao, cơ nghiệp nhà Đường cơ-hồ tan nát! Kiệt, Trụ và Đường quý-Phi đây là những kẻ làm loạn thiên-hạ, được tội với muôn đời. Nay các người hãy trừ ba kẻ đại-ác ấy đi, rồi lên đài Vinh-quang, đẹp duyên cùng Tiên-nữ, và ra công giúp nước phò vua.

« Vậy công bố cho mọi người biết.

« *Niên hiệu Thuần-Phúc năm thứ ba, tháng tám, ngày mười sáu.* »

Đọc xong, viên Phủ-doãn trịnh-trọng ngồi xuống ghế, bảo viên Lại-điền đứng bên :

— Thầy chua thêm chữ : « *Phụng Thiên Phủ-doãn phụng gết* », rồi đem dán ngay cho họ xem.

Cuộc thi bắt đầu. Bọn lính Cẩm-y lần lượt đưa các người dự thi vào biên tên. Những chàng thanh niên tinh-anh vạm-vỡ lần-lượt đến vái chào viên Đô-đốc, rồi cầm bút biên tên và quán ngụ vào quyển sổ để ở trên bàn, trước mặt mấy viên Lại-điền già. Đoạn hai người lính Thần-vũ dẫn từng chàng một ra mé hồ, giao cho cung tên.

Đầu tiên một chàng thiếu-niên cầm lấy cung, ngắm-nghía kỹ-càng, ướm giây, thử cánh. Chàng cũng không quên vái chào Bạch-y nương đang tươi cười ở trên lầu. Nàng cũng mỉm cười cúi đầu đáp lại. Sau đó, thiếu-niên đặt tên vào cung, giơ lên tầm con mắt, ngắm thẳng vào hình-nhân « Hạ-Kiệt » ở bên phải. Đám người đang nhốn-nháo, bỗng im lặng, trông dồn cả về phía người bắn. Cái cung giơ lên để xuống hồi lâu. Thiếu niên hồi hộp, đứng chân sau chân trước hơi khụy gối, dương cung nhằm trúng đích, rồi vút một cái... Tên vè vè bay, hơi chúi đầu xuống, lướt vụt qua không-khí bộp mạnh, trúng nhằm hình « Hạ-Kiệt » ngã kềnh xuống tấm phên đỡ kéo ngã cả hai hình « Dương quý-Phi » và « Thương Trụ ». Cái tên cắm phập vào đầu, giơ cái đuôi tòe lên, phản chiếu ánh mặt giời chói lọi. Những người đứng xem cười vang.

Người ta dựng ba hình nhân lại. Thiếu niên đỏ mặt, dương cung nhằm « Thương Trụ », bắn phát thứ hai. Vút!.. Lại ba cái hình nhân đổ. Lại một chặp cười vang. Phát thứ ba, lại đổ cả ba. Phát thứ tư, thứ năm, thứ sáu đều vậy. Thiếu-niên đỏ mặt, lau mồ hôi, giao giả cung, rồi do một tên lính Cẩm-y đưa tới nhà khách giải khát và nghỉ ngơi. Trong đám người xem, có tiếng bàn tán :

— Xoàng quá, bắn có thế mà cũng không xong !

— Anh thử vào xem nào, chỉ ở ngoài mà nói khoác !

— Chứ lại không à ! Tý nữa, tôi vào cho các bác xem !

« Tùng ! tùng ! tùng !... » Ba tiếng, trống vừa dứt, đâu đấy im cả. Người thứ hai dương cung bắn. Vút ! Ba hình-nhân lại đổ. Rồi luôn năm phát đều chung một số phận! Kế đến mười người sau cũng vậy, không người nào hạ nổi riêng một hình-nhân. Bấy giờ dân-chúng mới nhận thấy cuộc thi rất khó, những tay thường không dám vào dự thi nữa. Người ta đương rì rầm nói, bỗng ba tiếng trống báo lượt bắn thứ mười ba rồi «bộp» một cái, hình « Hạ-Kiệt » đổ rời ra. Tức thì những tiếng vỗ tay reo ầm tán thưởng nhà thiện-sạ. Trên lầu bọn nữ-tỳ cũng vỗ tay reo Bạch-y-Nương cũng hớn-hở mỉm cười ban lời khen ngợi. Trong đám đông, có tiếng người hỏi :

— Ai đấy các ngài ?

CHEMISETTES - TRICOTS - SLIP - MAILLOT DE BAIN

ĐỦ CÁC KIỂU, CÁC MẦU
RẤT HỢP THỜI TRANG
Mua buôn, xin hỏi hãng dệt :

PHUC - LAI

87 - 89, ROUTE DE HUÉ HANOI -- Tél. N° : 974

Cả Bích Hải-dương, chứ còn ai ?
— Đã biết mà, cả Bích xứ Đông !

Nhưng đến phát thứ hai : mọi người bỗng lại tự-nghĩ : Dương Qúy-Phi » không chịu lẻ-loi, cố co cả « Thương-Trụ » cùng ngã. Người ta tưởng sau giây lát hồi hộp, chàng cảm kích vì lời khen-lao của công-chúng mà run tay chang ? Người ta đợi những phát sau chắc chắn hơn. Nhưng không. luôn năm phát, không đem lại danh dự gì hơn cho chàng. Chàng lại cũng như những người trước ngậm-ngùi theo lính Cẩm y vào nhà khách

●

Quá ngọ sang mùi, mặt giời đã xế bóng. Công chúng tản-mát về dần, mười phần chỉ còn độ bốn Là vì quần - chúng phức tạp chỉ thích những trò vui náo-động và luôn luôn thay đổi. Họ không thể đứng luôn nửa ngày mà xem một cuộc thi không có gì lạ, và suốt ngày chỉ thế thôi. Sáng ngày họ kéo đến đông, cốt để xem mặt Bạch y-nương, bấy nay trong dân gian vẫn luôn nhắc đến. Rồi họ rán ở lại xem có trò-trống gì hay. Thế thôi ! Bây giờ họ đã chán. Trên bờ hồ, còn thưa-thớt những người yêu nghề bắn và những người vô-công rồi rãi, chờ xem kết quả những ai được vào kỳ thi hạch ngày mai ..

« Tùng ! tùng ! tùng ! » Rồi lại « tùng ! tùng ! tùng ! » .. Cuộc bắn tiếp nhanh hơn trước. Hai mươi người nữa lần lượt vào hội-họp ở nhà khách, không ai được cái may mắn sáng mai vào thăm Tướng-phủ ! Cuộc bắn đã đến lúc thưa thớt và rời rạc. Đợi chán mới lại có người ra bắn. Từ quan tới lính, từ quận-chúa tới nữ-tỳ, thảy đều đượm vẻ không vui. Trong khán-đài, Hoàng-hậu và các quan phát chán, ngồi nói chuyện phiếm... Công-chúng lẻ-tẻ xôn-xao bàn-tán... Vừa thêm được mười bẩy người bắn trượt nữa

Đã quá giờ thân. Cuộc bắn sắp thôi. Viên lại-điền đã thấp bút lại, đếm xem được bao nhiêu người dự để đãi tiệc cho đủ. Tất cả có năm mươi người, thật là đủ mặt các tay bắn giỏi, cả vương thân, quyền quý lẫn thứ-nhân ! Các quan khách sắp sửa ra về... Ba cái hình-nhân xơ-xác vẫn trơ-trơ đứng sững trên cây gỗ đợi người bắn nữa.

Trong lúc không ai ngờ, một chiếc tên bỗng từ đám người xem bay vù trúng Hạ-Kiệt đổ về bên hữu, rồi vút vút tiếp luôn hai chiếc nữa : Thương-Trụ đổ ra bên tả, Dương-quý-Phi lăn ra giữa ! Tiếng hoan-hô vang dậy. Các quan khách đều đứng cả ra mà hỏ và ồn-ào hỏi cho biết mặt kẻ kỳ-tài. Bạch-y-nương, trong lúc bất ngờ, cũng không nhận rõ con người được cái may mắn không hai ấy. Nhưng khi quân lính săn hỏi đến nơi, thì không thấy ai cả ! Người ta bảo vị tráng-sĩ ẩn danh kia đã phi con ngựa bạch về lối cửa Đại-Hưng (1) rồi. Mọi người đều sửng-sốt và kinh ngạc . . . Một người độc-nhất được cái vinh-dự và điềm-phúc có thể đẹp duyên cùng Bạch-Lan quận-chúa, một vị quốc sắc vô-song, sẽ có hi-vọng nhảy lên quyền cao chức trọng ! Một dịp đặc-biệt như thế, vậy mà con người ấy phủi áo đi phắt, một mảy không màng ! Thật là kỳ-dị, khó hiểu ! Người hay là tiên mà có cái hành-động lạ đời dường vậy ?

Cuộc bắn tan một cách buồn tẻ. Các quan khách ra về đều băn-khoăn, thắc-mắc về cái câu hỏi vẩn-vơ « người hay tiên » ấy ? Những người dự thi được rước về Tướng-phủ dự tiệc cũng đi trong ngùi-ngùi và yên lặng, có lẽ tự thẹn cho mình và lấy làm lạ cho người. Dân-chúng xôn-xao truyền tin đi rất mau, và thêm vào đấy hàng trăm điều đồn-đại hoang-đường !

Riêng Bạch-y-nương lòng buồn man-mác, nàng buồn vì cái việc nàng làm không được như lòng hằng mong-mỏi. Đã từ lâu, nàng vẫn nghĩ có một cuộc kén chồng rất công bình sáng suốt, để chọn lấy bạn lứa đôi thật xứng-đáng với nàng. Nay cuộc kén chồng ấy đã mở ra rất ồn-ào và công-cộng. Bao nhiêu công-tôn, vương tử, trong lá ngọc cành vàng, mê mệt nàng, mong mỏi nàng, nay đều bị loại một cách ê-chề ! Nàng đã lấy làm khoái trí ! Thế mà lại kết cục một cách không ngờ ! Con người mà nàng mong-mỏi, nàng phục tài ấy lại điềm nhiên đi thẳng, không thèm giáp mặt, một lời ! Con người ấy có thể kiêu-hãnh đến thế ư ? !

Còn nữa

(1) *Cửa Nam bây giờ.*

Người lịch sự và yêu nước
đều thích uống và cổ động

CHÈ ĐỒNG-LƯƠNG

Một thứ chè nội hóa có danh tiếng, ngon hơn chè Tàu và được bầu là
VUA CHÈ NỘI HÓA

Có chi - cục và đại - lý
tại toàn cõi Đông-Pháp

Nguồn gốc truyện Kiều

Tiếp theo trang 4

với Truyện Kiều của cụ Nguyễn Du thì ta thấy chỉ có một hồi là hai truyện giống nhau, tức là hồi Thúy-Kiều gặp Từ Hải. Còn tất cả thân-thế nàng Kiều trước hồi ấy thì khác hẳn; thứ nhất là trong truyện nói trên không thấy có hai việc cốt-yếu làm chủ - não cho cuốn Kiều nôm của ta: 1. Việc Thúy-Kiều và Kim Trọng thề - nguyền gắn-bó với nhau ; — 2. Việc Thúy-Kiều bán mình để chuộc tội cho cha. Xem thế thì biết rằng truyện ấy không phải là nguồn gốc Truyện Kiều của cụ Nguyễn Du.

Ý-kiến thứ năm. — Trong một bản Truyện Kiều nôm (Pháp-quốc Viễn-đông học-viện thư-viện, sách Việt-nam, số A B I 2) do **Kiều Vinh-Mậu** đỗ phó-bảng năm 1880 chú thích và ấn-hành năm mậu-dần (1902) niên-hiệu Thành-thái, nhà chú-thích, trong mục « Lệ-ngôn », có viết :

« 1° *Cuốn* Đoạn trường tân thanh, *do quan tham-tri bộ Lễ Nguyễn Du soạn ra về đầu Bản-triều, nguyên theo trong sách* Thanh-tâm tài-nhân *là một cuốn ngoại thư của Thánh-thán nước Tàu mà phiên-dịch ra.* »(6)

Vậy theo ông Kiều Vinh-Mậu thì nguồn gốc Truyện Kiều là một quyển sách Tàu nhan là *Thanh-tâm tài-nhân*. Đó cũng là ý-kiến của ông **Bùi-Khánh-Diễn** trong bản *Kim Vân Kiều chú-thích* (7) trong đó ông có dẫn ở phần chú-thích nhiều đoạn của quyển nguyên-thư mà trên đầu ông nêu lên mấy chữ này : *Nguyên truyện Thanh-tâm tài-nhân chép rằng...)* (8)

Dưới này, khi ta xét đến bản khảo-chứng D, ta sẽ rõ rằng mấy chữ « Thanh-tâm tài-nhân » không phải là nhan quyển tiểu-thuyết Tàu mà là hiệu của tác-giả.

Ý-kiến thứ sáu. — Trong cuốn *Truyện cụ Nguyễn Du, tác giả truyện Thúy-Kiều* xuất-bản năm 1924, hai ông Phan sĩ-Bảng và Lê Thước đã viết :

« *Lịch-sử cô Kiều thì chúng tôi đã tìm được một quyển tiểu-thuyết Tàu, nhan là Kim Vân Kiều truyện, so lại với truyện quốc-âm Thúy Kiều của mình, thì sự-tích đầu đuôi giống nhau tôi chắc rằng truyện Đoạn trường tân thanh của cụ Tiên-điền là tự quyển Hán-văn tiểu-thuyết ấy dịch ra* ».

Rồi hai ông lại chua thêm rằng: «... *Ở Bắc-cổ có bản biên bằng tay còn bản chúng tôi tìm được thì in bằng giấy Tàu, mà chữ khắc cũng theo dạng chữ Tàu.* » (9)

II. — Xét các bản khảo - chứng

Vì thấy ý-kiến các nhà khảo cứu về nguồn gốc Truyện Kiều bất-đồng như thế, chúng tôi bèn để ý xét kỹ các bản khảo-chứng tức là các sách vở do các nhà ấy đã viện ra làm bằng-cứ.

Bản khảo-chứng A. — Thư-viện của Pháp quốc Viễn-đông học-viện có một quyển sách in (số AC561) ở trang đầu thấy đề: (ở giữa) «Kim vân Kiều lục » ; (bên phải) « Đồng Khánh tam niên, trọng xuân, san khắc ». (Khắc in tháng thứ nhì mùa xuân năm Đồng-khánh thứ ba, 1888) ; (bên trái) « Chiêu-văn-đường tàng bản» (Chiêu-văn-đường giữ ván in.)

Sách này không có tên tác-giả, cũng không có tựa, gồm có 32 tờ, mỗi tờ có 20 dòng (mỗi trang 10 dòng). Nguyên-văn in liền từ đầu đến cuối, không chia làm hồi, so với nguyên-văn cuốn *Kim vân Kiều truyện* (bản khảo-chứng C và D) thì ngắn hơn nhiều mà cũng không có lời bình-luận gì cả. Quyển này tức là quyển *Kim-Vân-Kiều-Lục* mà ông Abel des Michels (theo bản in năm 1876) và ông Maspéro (theo bản in năm 1896) đã nói đến. Nhưng hình như ông Maspéro lại cho quyển này với quyển *Kim-Vân-Kiều truyện* (bản khảo-chứng C) cũng là một.

Nếu ta đọc kỹ sách này thì ta nhận ra rằng đó là một bản thoát-dịch quyển truyện Kiều nôm của cụ Nguyễn-Du ra hán-văn do một nhà nho ẩn-danh đã viết ra. Bản Hán-văn và bản truyện nôm phù-hợp với nhau, chỉ khác một điều là các bài thơ ca của các vai trong truyện làm ra thì ở bản nôm của cụ Nguyễn-Du chỉ nói đến thôi, chứ ở sách này thì có chép ra hẳn, mà những bài ấy cũng do dịch-giả tự soạn ra vì nguyên-văn khác hẳn nguyên-văn chép trong quyển *Kim-Vân-Kiều truyện* (bản khảo-chứng C và D). Những tên các vai trong truyện cũng giống hẳn các tên ta thấy trong bản nôm: Vương-ông, Kim-Trọng, Chung-công, Mã Giám-sinh, Tú-bà, Thúc-ông, Từ - Hải, v.v. Còn một điều nữa khiến ta tin được rằng sách này là một bản dịch do một văn-sĩ người Nam viết ra : như ông Abel Des Michels đã nhận thấy, «sách này từ đầu đến cuối đều viết thành *văn-chương*, chứ không pha *quan-thoại* vào. » (10)

Bản khảo-chứng B. — Thư-viện của Pháp quốc Viễn-đông học-viện lại có một *quyển sách chép tay (số* AC521 nhan là *Kim-Vân-Kiều lục tính diễn quốc-âm thi* (Kim Vân Kiều lục, kèm thơ diễn ra quốc-âm). Sách này tức là bản chép tay sách trên, chỉ khác một điều là các bài thơ Hán-văn đều có kèm bản dịch ra quốc-âm, như nhan sách đã nói rõ.

---

(6) Nguyên - văn chữ nho : « *Đoạn trường tân - thanh* nãi quốc-sơ Lễ tham Nguyễn-Du sở soạn. Nguyên tòng Bắc-quốc Thánh-thán ngoại thư Thanh-tâm tài nhân biên nội phiên xuất ».

(7) *Kim vân Kiều chú-thích* par Bùi Khánh-Diễn, Imp. Ngô-tử Hạ, Hanoi.

(8) Xem những trang 2, lời chú (5), 9, Lời chú (1), v.v.

(9) *Truyện cụ Nguyễn Du, tác-giả truyện Thúy-Kiều. Biographie de Nguyễn Du, auteur du poème Thúy-Kiều.* Phó-bảng Phan sĩ-Bảng, Giải-nguyên Lê Thước biên-tập, Imp. Mạc Đình-Tư, Hanoi, 1924 (tr. 15).

10) Nguyên-văn chữ Pháp : «il a été écrit d'un bout à l'autre en *wên tchang* sans aucun mélange de *kouan hoá* ». Abel Des Michels, *ouvrage cité* Introduction, p. II.

Bản khảo-chứng C. — Thư-viện của Pháp quốc Viễn-đông học-viện còn có một quyển sách chép tay (số A 953) ở ngoài bìa có đề bốn chữ: 青心才子 Thanh-tâm tài-tử, và ở trang mặt có đề: *Kim vân Kiều — Thanh-tâm tài-tử — Quyển nhất*. Sách gồm có 4 quyển và chia làm 20 hồi. Đầu quyển thứ nhất có đề *Quán-hoa-đường bình-luận — Kim vân Kiều truyện quyển chi nhất — Thánh-thán ngoại-thư — Thanh-tâm tài-tử biên thứ*. Đầu các quyển sau, cũng đề y như thế, chỉ khác tên quyển đổi đi. Sách này tức là quyển sách chép tay mà ông Maspero đã nói đến trong bài bình-phẩm cuốn sách của ông Cordier nói trên. Trong đoạn sau, ta sẽ thấy rằng sách này tức là một bản chép tay của bản khảo-chứng D.

Bản khảo-chứng D. — Bản này là quyển sách hai ông Phan sĩ-Bàng và Lê Thước đã nói đến trong quyển *Truyện cụ Nguyễn-Du* (xem trên) mà gần đây chúng tôi được xem (11).

Tả quyển sách. — Sách này in theo lối mộc-bản, khuôn-khổ một bề 12cm.5, một bề 21cm.2, gồm có 4 quyển đều đánh số tờ riêng. Mỗi tờ có 20 dòng, mỗi dòng 25 chữ. Hiện nay sách ấy thiếu mất những tờ đầu và những tờ cuối. Các tờ có nhiều chỗ bị nhậy cản; những tờ của quyển cuối thì khuyết mất một phần. Nội-dung các quyển như sau:

Quyển I: từ hồi thứ 1 đến hồi thứ 6, 35 tờ, thiếu mất 21 tờ đầu;

Quyển II: từ hồi thứ 7 đến hồi thứ 12; 36 tờ;

Quyển III: từ hồi thứ 13 đến hồi thứ 17, 33 tờ;

Quyển IV: từ hồi thứ 18 đến hồi thứ 20, không rõ có bao nhiêu tờ, hiện chỉ còn lại 21 tờ đầu.

Ở đầu các quyển, có ghi những chữ này:

Quyển II (tờ 1, mặt trên): « *Quán hoa đường bình luận Kim-Vân-Kiều truyện, quyển chi nhị — Thánh-thán (12) — Thanh-tâm tài nhân biên thứ*;

Quyển III (tờ 1, mặt trên): « *Quán-hoa-đường bình-luận, Kim-Vân-Kiều truyện, quyển chi tam, — Thánh-thán ngoại-thư — Thanh tâm tài-nhân biên thứ*;

Quyển IV (tờ 1, mặt trên): *Ngũ-vân-lâu bình luận, Kim-Vân-Kiều truyện, quyển chi tứ — Thánh-thán ngoại thư — Thanh-tâm tài-nhân biên-thứ (13)*.

Mỗi hồi có một cái đề-mục đặt thành hai câu biền-văn (đối nhau), theo như lối vẫn dùng trong các tiểu-thuyết Tàu (như trong *Tam-quốc-chí diễn-nghĩa*), rồi bắt đầu là đoạn *bình-luận* (không ký tên) in thụt xuống một hàng, kế đến lời kể chuyện trên đầu có hai chữ *Thoại-thuyết*, cuối cùng có câu lề-lối thường dùng trong các tiểu thuyết chia làm hồi: *Tái khán hạ hồi phân giải* (lại xem hồi dưới phân giải) hoặc: *Thả thính hạ hồi phân-giải* (sẽ nghe hồi dưới phân giải).

Nhan sách. — Nhan sách là *Kim-Vân-Kiều truyện* có ghi ở đầu mỗi quyển.

Tên tác giả là gì và soạn tự bao giờ? — Cứ theo mấy chữ « Thanh-tâm tài-nhân biên-thứ » thì người soạn sách này là *Thanh-tâm tài-nhân*, ý chừng là biệu của tác-giả theo như thói thường của các văn-sĩ Tàu và ta hay ký tác-phẩm bằng biệu. Tên thực của tác-giả ta không rõ, nên ta cũng không biết được rằng tác-giả đã sống về hồi nào. Nhưng các việc kể trong tiểu-thuyết đều thuộc về đời Gia-tĩnh nhà Minh tức là từ năm 1522 đến năm 1566, mà sách ấy lại do Kim Thánh-thán sống từ năm 1627 đến năm 1662 phê-bình (xem dưới), thế thì theo đấy ta có thể biết được rằng sách này làm vào khoảng cuối thế-kỷ thứ 16 hoặc đầu thế-kỷ thứ 17.

Tên nhà phê-bình. — Tên thực tác-giả thì ta không rõ, nhưng tên nhà phê-bình thì ta được biết và chính là Kim Thánh-thán, một nhà phê-bình nổi tiếng ở cuối đời nhà Minh. Vì những sách nào do Thánh-thán phê-bình đều có đề mấy chữ *Thánh-thán ngoại-thư* (thí dụ trên đầu bộ *Tam-quốc-chí diễn nghĩa*), thế mà sách này ta cũng thấy đề mấy chữ ấy ở đầu mỗi quyển. Vả chăng ta lại thấy đề mấy chữ *Quán-hoa-đường bình-luận*, mà Quán-hoa-đường tức là tên thư-viện của Thánh-thán.

Sách này khắc in ở đâu? — Sách này do một bản in ở bên Tàu mà ra. Giấy sách là một thứ giấy xưa kia bên Tàu thường dùng để in sách học và tiểu-thuyết. Còn một điều nữa chứng minh là sách này in ở bên Tàu. Ngày trước, ở nước ta, những chữ ngự danh trong một triều (hoặc tên đặt khi nhà vua mới sinh ra, hoặc tên nhà vua chọn khi lên ngôi) đều coi là *chữ húy* cấm không được đọc và dùng suốt khi triều ấy còn trị-vì. Khi in sách hoặc khi viết giấy-tờ, hễ gặp một chữ húy thì phải hoặc thay dùng chữ khác (thí dụ chữ 時, tên vua Tự-đức khi ngài lên ngôi, thay làm chữ 辰), hoặc theo phép *tỉnh hoạch* nghĩa là bớt đi một hay nhiều nét của chữ ấy (thí dụ hai chữ 洪任 là tên vua Tự-đức trước khi ngài lên ngôi, trong các bản in, phải khắc thành 洪仁, hoặc 共壬, cả phía bên trái bớt đi và để trắng). Cả những chữ mà một bộ phận là một chữ húy cũng phải theo phép ấy (14). Vậy nếu quyển sách ta đương xét đây quả là sách in ở bên ta, thì phải in sau khi sách ấy đã xuất bản ở bên Tàu, nghĩa là trong

(11) Quyển sách này, chúng tôi có ý tìm tự lâu. Gần đây, ông *Trần văn-Giáp*, tham tá ở Pháp quốc Viễn-đông học-viện, có cho chúng tôi biết rằng hiện ông *Hoàng Xuân-Hãn*, giáo-sư trường Trung-học Bảo-hộ, giữ quyển này, chúng tôi bèn nhờ ông Hãn cho mượn xem. Vậy xin có lời trân-trọng cảm ơn hai ông.

(12) Chữ « thán » này thấy khắc lầm là chữ « hâm ».

(13) Chữ « thứ » này cũng khắc lầm là « nhữ ». Bản in này có rất nhiều chữ khắc lầm.

(14) Trong các sách do Triều-đình ấn-hành như bộ *Khâm-định Việt-sử thông giám cương mục*, cũng như trong các sách do tư gia xuất bản như bộ *Lương-khê thi thảo* của cụ Phan thanh-Giản in năm 1876, ta đều thấy theo phép tỉnh hoạch ấy.

thời kỳ từ đầu thế kỷ thứ 17 đến cuối thế kỷ thứ 19, tức là trong các triều Hậu-Lê (thời kỳ thứ nhất: 1428-1527; thời kỳ thứ nhì: 1533: 1789), Mạc (1527-1592), Nguyễn Tây-sơn (1789-1802) và Bản triều, mà lẽ tất nhiên cái phép tỉnh hoạch nói trên phải theo: tùy theo sách ấy in về triều vua nào thì các chữ húy trong triều đó (15) phải bớt nét đi. Ấy thế mà ta nhận thấy rằng trong các chữ húy ấy, những chữ nào có ở trong sách này đều khắc theo nguyên hình không hề bớt đi một nét nào cả (16). Xem thế thì biết rằng sách này không phải in ở bên ta mà đã do một bản in ở bên Tàu mà ra.

Bản khảo-chứng C chỉ là một bản chép tay của bản khảo-chứng D. — Nếu đem so-sánh hai bản thì ta thấy rằng bản khảo chứng C (sách số A 953 của Pháp quốc Viễn-đông học- viện) là một bản chép tay của quyển sách in ta đương xét đây, chỉ có một vài chỗ khác do sự chép sai mà ra. Trong các sự sai, ta phải kể đến cái hiệu của tác giả: nguyên trong bản in là Thanh tâm tài-*nhân* mà bản viết tay lại chép là Thanh-tâm tài-*tử*.

Sách Kim Vân Kiều truyện quả là nguồn gốc Truyện Kiều của cụ Nguyễn Du. — Khi ta so sánh nguyên-văn quyển *Kim vân Kiều truyện* với nguyên-văn Truyện Kiều của cụ Nguyễn-Du thì ta thấy rằng đại-cương tình-tiết hai quyển giống nhau. Các vai trong Truyện Kiều nôm đều thấy trong cuốn tiểu-thuyết Tàu. Duy một vài vai trong truyện nôm chỉ gọi bằng tên mà trong truyện Tàu còn gọi bằng tự nữa, như Kim Trọng còn gọi là Kim Thiên-lý, Từ-Hải còn gọi là Từ Minh-sơn, Mã Giám-sinh còn gọi là Mã Qui hoặc Mã Bất-Tiến.

Sự so sánh ấy lại tỏ rõ rằng cụ Nguyễn Du không phải chỉ dịch văn xuôi của Tàu ra văn vần của ta mà thôi. Tác-phẩm của cụ thật có phần sáng-tạo, đặc-sắc: cụ sắp-đặt nhiều việc một cách khác để cho hợp lý hơn hoặc để tránh sự trùng-điệp; cụ thay đổi nhiều điều tiểu-tiết để tả cảnh-ngộ hoặc tính-tình các vai trong truyện một cách rõ-rệt hơn; cụ lại bỏ đi nhiều chỗ thô-tục hoặc rườm-rà vô-ích.

Kết luận

Cứ theo những điều nói trên, thì có thể kết lại như sau:

1.) Quyển *Kim Vân Kiều truyện* xuất bản của Tàu và quyển *Kim Vân Kiều truyện* chép tay (sách số A 953 của Pháp quốc Viễn-đông học-viện) cũng là một.

2.) *Thanh-tâm tài-nhân* (chứ không phải *Thanh-tâm tài-tử* như các bản chép tay viết sai) là *hiệu* của tác-giả, chứ không phải là *nhan* quyển sách ấy như một vài người tưởng lầm (sự lầm ấy là do trên bìa các bản chép tay chỉ đề có bốn chữ Thanh-tâm tài-tử).

3.) Mấy chữ « *Quán-hoa-đường bình-luận* » thực có trong bản in ở bên Tàu, chứ không phải do sự chép sai mà ra, vậy thì các lời bình-luận ở đầu các hồi trong sách *Kim Vân Kiều truyện* quả là của Kim Thánh-Thán.

4.) Quyển *Kim Vân Kiều truyện* và quyển *Kim Vân Kiều lục* là hai quyển sách khác hẳn nhau: quyển trên là sách người Tàu làm ra và là nguồn gốc quyển Truyện Kiều của cụ Nguyễn Du; quyển dưới là sách của người Nam viết và tức là bản dịch Truyện Kiều nôm ra Hán-văn sau khi truyện ấy đã xuất-bản. (Vì hai quyển ấy có cái nhan hầu giống nhau, nên có nhiều người không xét kỹ nội-dung vội tưởng lầm rằng hai quyển sách ấy cũng là một).

Tóm lại, nguồn gốc Truyện Kiều của cụ Nguyễn Du là một quyển tiểu-thuyết Tàu nhan là *Kim Vân Kiều truyện* do một tác-giả hiệu là *Thanh-tâm tài-nhân* soạn ra về cuối thế-kỷ thứ 16 hoặc đầu thế-kỷ thứ 17 và do *Kim Thánh-thán* (1627 1662) bình luận. Quyển tiểu-thuyết ấy đã xuất-bản ở bên Tàu. Ý hẳn cụ Nguyễn Du, khi sang sứ bên Tau năm 1813, đem về bên nước ta, rồi người ta theo đó mà chép ra nhiều bản. Sau khi cụ Nguyễn Du đã soạn quyển Truyện Kiều nôm, một nhà nho ẩn-danh ở nước ta mới dịch quyển truyện nôm ra Hán-văn, tức là quyển *Kim Vân Kiều lục* (17) đã khắc in nhiều lần ở Hà-nội (1876, 1888, 1896). DƯƠNG QUẢNG-HÀM

---

(15) Về tên các vị đế vương nước Nam, xem: L. Cadière, *Tableau chronologique des dynasties annamites*, trong tùng biên của Pháp quốc Viễn-đông học viện, 1905, tr. 77-145, và riêng về các vua triều Nguyễn, xem: Richard Orband, *Les tombeaux des Nguyễn* cũng trong tùng biên ấy, 1914, số 7, tr. 1-74, và Nguyễn văn-Huyên, *Attribution du nom dans la famille impériale d'Annam*, Bulletins et travaux de l'Institut indochinois pour l'étude de l'homme, 1939, tập II, tr. 231 trở đi.

(16) Thí dụ ta thấy, về triều Hậu-Lê, những chữ « lợi » 利, tên vua Lê thái-Tổ (quyển 2, tờ 17, mặt trên, dòng 3, chữ 2), « thành » 誠, tên vua Lê thánh-Tôn (q. I, tờ 22, mặt trên, dòng 7, chữ 4), « đàm » 潭, tên vua Lê thế-Tôn (q. 3, tờ 11, mặt dưới, dòng 9, chữ 20), « tân » 新, tên vua Lê kính-Tôn (q. 2, tờ 23, mặt dưới, dòng 6, chữ 2); về triều nhà Mạc, những chữ « dung » 庸 (q. 3, tờ I, mặt dưới, dòng 5, chữ 21), « hải » 海, (q. I tờ 23, mặt dưới, dòng 2, chữ 2); về triều Nguyễn Tây sơn, những chữ « nhạc » 岳, tên vua Thái đức (q. 3, tờ 6, mặt trên, dòng 6, chữ 5), « quang » 光 (q. 3, tờ 7, mặt dưới, dòng 4, chữ 15) và « bình » 平 (q. 2, tờ 27, mặt dưới, dòng 4, chữ 25), tên vua Quang trung sau khi lên ngôi; về triều nhà Nguyễn những chữ « chủng » 種, tên vua Gia-long (q. I, tờ 22, mặt trên, dòng 7, chữ 5), « tông » 宗, tên vua Thiệu trị q. I, tờ 33, mặt trên, dòng 4, chữ 15, « nhậm » 任 tên vua Tự đức (trước khi gài lên ngôi (q. 2, tờ 16, mặt dưới, dòng 10, chữ 6), « thì », tên vua Tự-đức sau khi ngài lên ngôi (q. 3, tờ 4, mặt trên, dòng 5, chữ 5), « đăng » 登, tên vua Kiến-phúc q.2, tờ 16, mặt dưới, dòng 3, chữ 12), « minh » 明, tên vua Hàm nghi (q. 2, tờ 7, mặt trên, dòng 4, chữ 8).

(17) Về cuốn sách này, Tri-Tân đã có bài nói kỹ ở số 1. Số 1 ấy có nói « Vương-thúy-Kiều truyện » thì tức là « Kim vân Kiều truyện ». Xin sửa lại cho đúng.

THE YOKOHAMA SPECIE BANK, LTD.

FONDEE EN 1880

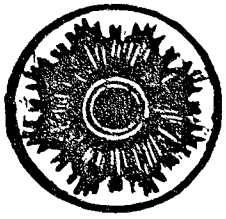

CAPITAL ENTIEREMENT VERSÉ. Yen 100.000.000
FONDS DE RÉSERVE . . . . . Yen 143.400.000

Siège Social : YOKOHAMA (Japon)

Agence de Hanoi : 43 Rue Paul Bert

(*Bureaux auxiliaires à Saigon : 2, rue Pellerin*)

Adresse télégraphique ; **SHOKIN - HANOI**

Téléphones : **1515 et 1516**

SUCCURSALES et AGENCES

Alexandrie	Dairen	Kobé	Osaka	Shanghai
Bangkok	Feng-Tien	Londres	Otaru	Singapour
Batavia	Hamburg	Las Angeles	Paris	Sourabaya
Berlin	Hankéou	Manille	Pékin	Sydney
Bombay	Hong-kong	Moji	Rangoon	Tien-Tsin
Calcutta	Honolulu	Nagasaki	Rio de Janeiro	Tokio
Canton	Hsin-Kin	Nagoya	San-Franc isco	Tsi-Nan
Chang-chia-Kou	Karachi	Nanking	Seattle	Tsing-Tao
Chefou	Kharbine	New-York	Semarang	ing-Kou

CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES COMMERCIALES DU MONDE

Comptes courants et de dépôts —
Envois de fonds — Lettres de crédit
et toutes opérations bancaires

S'adresser, pour tous renseignements, aux bureaux de la **Y. S. B. LTD.**

Imp. spéciale du Tri-Tân — Administrateur - Gérant : Dương-tự-Quán